

43- LÀM VUA BẢY NGÀY

Nước Ấn Độ có một vị vua nổi tiếng nhất, giỏi giang nhất, đức độ nhất, và được dân chúng kính trọng ngưỡng mộ nhất, đó là vua A Dục. Sau khi Phật bát Niết Bàn chừng trăm năm, vua A Dục đã thống nhất nước Ấn Độ và để lại cho đất nước này một trang sử huy hoàng.

Vua A Dục là một vị Phật tử thuần thành, lúc còn tại vị, không những ông dốc lòng tin tưởng Đức Phật mà lại còn cực lực lo việc truyền bá thánh pháp.

Để phát khởi lòng tin của dân chúng đối với Phật pháp, ông đã đổ đôn không biết bao nhiêu là tâm trí lẫn tiền tài vào việc lập tháp cúng dường Đức Phật ở khắp mọi nơi.

Ngày hôm nay, nước Ấn Độ còn lại rất nhiều di tích của những chùa viện lớn, đó là những kiến trúc được xây lên từ thời vua A Dục vậy.

Vua mãi lo tung tiền trong việc truyền bá Phật giáo nên có một cuộc sống rất phong phú và an vui. Điều làm cho ông buồn tiếc nhất là người em tên là Thường Tu, không những không tin Phật giáo mà còn quy theo tà giáo, đi đâu cũng hủy báng Phật pháp. Vua A Dục thường thường khuyên răn ông, nhưng Thường Tu rất cố chấp, vua không biết phải xử trí bằng cách nào.

Một hôm trời tối, Thường Tu bước vào hoàng cung, nói với vua A Dục rằng:

- Vương huynh! Hôm nay đệ khám phá ra một điều và nghĩ tới một số vấn đề, không biết có thể nói với vương huynh không?

Thường Tu nói xong, mở to hai mắt nhìn thẳng vua A Dục, đợi lệnh của vua.

- Thường Tu! Hiền đệ là người em mà ta thương mến nhất, từ trước tới giờ ta không hề có sự phân biệt với hiền đệ, đệ nên thường thường giúp ta trong việc trị nước mới phải, thì có chuyện chi mà đệ không nói được với ta chứ? Đệ muốn nói gì thì cứ nói đi!

Thường Tu bèn tỏ ra rất nghiêm chỉnh:

- Vương huynh! Đệ muốn nói với vương huynh một vài lời trung thật, huynh đối với mấy ông tỳ kheo Phật giáo quá đối cung kính, quá đối ủng hộ mấy ông ấy, coi chuyện Phật sự còn quan trọng hơn việc quốc gia. Đệ thấy mấy ông sa môn tỳ kheo chẳng có gì xứng đáng cho vương huynh cung kính tôn trọng như thế, nên đệ khuyên vương huynh nên coi trọng việc nước hơn.

Những lời hủy báng của Thường Tu, vua A Dục nghe như những mũi tên đâm vào tim, trong lòng rất buồn nên vội vàng ngăn lại rằng :

- Thường Tu, đệ hãy ngừng ngay những lời nói ấy. Hủy báng Tam Bảo là có tội. Đệ không hiểu sự cao quý của các vị tỳ kheo, họ là những người đã đoạn trừ ái dục, xa lìa thân quyến để xuất gia của Phật , khoác áo cà sa, hoằng pháp lợi sinh, tìm cầu sự an lạc cho nhân dân, cho xã hội. Phật giáo có hưng thịnh thì đất nước mới ổn định được.

Nghe những lời của vua A Dục, Thường Tu không hề đồng ý còn nói rằng:

- Vương huynh! Huynh không nên tin họ như thế, cúng dường mấy ông tỳ kheo ấy thì có lợi ích gì? Đệ thấy không những vô ích cho quốc gia, mà còn có hại đối với nhân tâm. Cả ngày họ không làm việc, ngồi đó mà hưởng phúc, không lẽ dân chúng không muốn bắt chước sống như thế hay sao? Hơn nữa, huynh nói họ là những người đã đoạn trừ ái dục, kỳ thật chuyện ấy không thể nào có được, huynh xem loại động vật còn biết thế nào là tình ái, huống chi là loài người?

Những tà ngôn tà kiến ấy làm cho vua A Dục rất buồn khổ, cuối cùng ông nghĩ ra một giải pháp để sửa đổi quan niệm lầm lạc của Thường Tu.

Một hôm vua A Dục bí mật gọi một vị đại thần vào cung, dặn phải làm như thế, như thế. Vị đại thần vâng theo lời dặn dò của vua mà thi hành.

Vào lúc trời chạng vạng tối, vua A Dục đang tắm ngoài ao, thì vị đại thần nọ cùng Thường Tu bước vào cung, thấy vua A Dục vắng mặt mà vương mão cùng long bào thì bày ngay đấy, vị đại thần bèn nói với Thường Tu rằng:

- *Thân vương! Tướng mạo, khuôn mặt của ngài và đại vương hết sức giống nhau, nếu ngài khoác long bào vào thế nào cũng có người lầm tưởng ngài là vua A Dục. Thân vương, ngài làm thử mà xem!*

Thường Tu biết đây là một việc phạm pháp, nhưng tâm hiếu kỳ và tâm hư danh thúc đẩy, ông bèn mặc long bào và đội vương mào lên. Đúng ngay lúc ấy vua A Dục bước vào, thấy thế nổi giận, trách mắng Thường Tu rằng:

- *Người thật là to gan, dám lén lấy áo mào của ta mà mặc, có phải là người muốn làm phản không? Người tính chuyện soán ngôi, có phải chăng?*

Chúng có đã rành rành, Thường Tu còn chạy chối vào đâu được? Vua A Dục bèn hạ lệnh:

- *Đem hắn ra ngoài cửa thành chém đầu lập tức!*

Vị đại thần nọ bèn vội vàng tiến đến can gián:

- *Đại vương! Thường Tu là em vua, không phải là người ngoài, hơn nữa đây là lần đầu tiên xúc phạm, xin đại vương tha tội cho thân vương!*

Vua A Dục nhìn xuống nét mặt ủ dột của Thường Tu, rồi đột nhiên hỏi:

- *Thường Tu, ta hỏi người, người có thích làm vua không?*

- *Tuy rất thích, nhưng thần không dám vọng tưởng.*

Thường Tu trả lời rất nhỏ.

- *Làm vua thì vui sướng ở chỗ nào?*

Bây giờ thì Thường Tu đã lấy lại can đảm, trả lời rằng:

- *Vua là người được tôn trọng nhất nước, những khoái lạc vua hưởng kể ra không hết, mà những diễm phúc vua có thì nói ra cũng không cùng tận. Đồng thời cũng không có ai trên đầu cai quản vua, như thế không phải vui sướng là gì?*

- *Được! Người đã muốn làm vua thì ta nhường ngôi cho người làm vua trong bảy ngày, người có quyền tận hưởng ngũ dục tùy thích. Nhưng mãn kỳ hạn ấy, người sẽ bị xử tử.*

Vua A Dục quy định như thế xong bèn lui về hậu cung, và bí mật ra lệnh cho một vị thị thân đến trước cửa nhà của Thường Tu, chờ ông này chiều chiều từ cung điện trở về thì nhắc nhở một câu. Người thị thân tay cầm thanh đao bén, đứng ngay tại cửa nhà, mỗi khi thấy Thường Tu trở về thì lớn tiếng hô rằng:

- *Thêm một ngày vừa mới trôi qua, còn mấy ngày nữa thì xử tử hình!*

Thường Tu rất sợ chết, nghe thế mỗi ngày mỗi thêm phiền não, bất an. Không những ông không khởi lên được một niệm dục lạc nào, mà còn lo âu đến nỗi hình dung tiều tụy hẳn. Bảy ngày làm vua trôi qua trong khổ sầu, đến sáng ngày thứ tám, vua A Dục lên ngôi báu trở lại, hai bên có văn võ bá quan đứng hầu, hỏi Thường Tu rằng:

- *Sao, người làm vua bảy ngày, hẳn là đã hưởng thụ rất nhiều dục lạc phải không?*

Thường Tu nghe vương huynh hỏi như thế thì ủ rũ cúi đầu trả lời:

- *Trong bảy ngày vừa qua, thật sự đệ không nghe, không thấy gì hết, nói chi tới chuyện hưởng thụ. Mỗi ngày về đến cửa nhà, thấy tên thị thân tay cầm thanh đao sáng loáng, miệng lại hô lớn số ngày còn lại, đủ làm cho đệ ưu khổ rồi, còn tâm trí đâu mà nghĩ tới mấy thứ lạc thú dục lạc kia nữa? Vì thế cho nên trong bảy ngày qua, đệ không nhìn thấy, cũng không nghe thấy gì cả.*

Câu nói của Thường Tu làm cho vua A Dục hết sức vui lòng và yên tâm, ông bèn nói:

- *Thường Tu, các vị tỳ kheo xuất gia thường thường tư duy đến vấn đề sinh tử lớn lao ấy, vì thế họ không thể nào có tâm trí đâu mà sinh khởi niệm ái dục hay tham chấp vật bên ngoài.*

Vua A Dục còn thuyết rất nhiều pháp liên quan tới sự đau khổ của nhân sinh đối với vấn đề sinh tử, khiến Thường Tu cảm động rơi lệ, bèn phát tâm quy y Phật giáo và còn xin vương huynh cho phép mình xuống tóc xuất gia nữa.

44- LỜI NÓI THẬT

Vua nước Thiên La ở Ấn Độ tên là Ba La Ma Đạt, tính tình ôn hòa, rất thương yêu bảo bọc dân, thưởng phạt công bình nên được mọi người tôn kính.

Ông sinh được một người con trai đặt tên là Ban Túc. Thái tử Ban Túc tính tình hoàn toàn trái ngược với vua cha Càng lớn càng khoẻ mạnh lực lưỡng nên thái tử vô cùng kiêu ngạo, vì thế nhiều vị đại thần tránh không muốn thân cận với thái tử.

Lúc còn trẻ, thái tử đại diện vua cha đi chinh phục các nước lân bang, lập được chiến công nên sự kiêu ngạo của ông gia tăng tới mức cuồng vọng, không coi ai ra gì, thậm chí tới phụ vương ông cũng coi thường. Ngày đăng vị, thái tử đã khoe với mọi người rằng mình sẽ lên phụ vương đi chinh phục các nước và sẽ lấy đầu của 100 ông vua nước các nước nhỏ để hiển dương võ lực trên đời có một không hai của mình.

Vua các nước nhỏ lần lượt bị thái tử bắt nhốt trong một hang động trong núi, một ông, hai ông, mười ông, hai mươi ông, cứ thế tăng lên cho tới 99 ông. Thái tử rất vui mừng, chỉ cần đem binh đi chinh phạt một nước nữa là sẽ bắt được một ông vua khác cho hẳn 100 ông. Nước bị thái tử chinh phạt để bắt ông vua cuối cùng ấy là một nước nhỏ cách nước Thiên La khoảng hơn ngàn dặm. Vua nước ấy tên là Phổ Minh, vua này không chủ trương chiến tranh nên không hề chuẩn bị kháng chiến, vì thế nên khi thái tử Ban Túc dẫn binh vào chiếm thành, dân chúng xứ này không hề hay biết, cho đến khi vua Phổ Minh bị bắt trời đem đi.

Thái tử đưa vua Phổ Minh tới nước Thiên La, giam cùng với 99 ông vua trước trong sơn động, nhưng từ nước Thiên La tới núi, nhưng vua Phổ Minh không ngừng khóc lớn, nước mắt tuôn như mưa. Thái tử Ban Túc thấy thế rất bực mình, nghiêm khắc trách mắng:

- Cái thứ gà ướt phải mưa, vậy mà cũng đòi làm vua! Ông là vua một nước mà sao lại khóc lóc như con nít, thật là không thể tưởng tượng được!

Vua Phổ Minh nghe thái tử Ban Túc trách mắng như thế cũng lấy làm bực mình, bèn trả lời một cách nghiêm nghị:

- Ông không biết nỗi khổ của tôi, tôi không hề sợ chết, mà chỉ sợ mất lòng tin của người khác, vì tôi trị nước lấy câu "thật ngữ đệ nhất" làm tôn chỉ. Đối với quốc dân tôi chưa một lần nói dối. Tôi lãnh đạo nhân dân cả nước, hết lòng giữ gìn giới "bất vọng ngữ", vì thế chúng tôi tin tưởng lẫn nhau, chưa hề có chuyện người này nghi kỵ người kia.

Nói tới đây, ông đau lòng buông một tiếng thở dài rồi nói tiếp:

- Vài ngày trước, có một vị tỳ kheo đến hoàng cung muốn độ hóa cho tôi xuất gia, tôi đã nhận lời rồi, hẹn ngài ấy trở lại trong một tuần nữa để xuống tóc cho tôi. Nay ông bắt giam tôi ở đây, làm sao tôi giữ lời hứa được bây giờ? Đó không phải là làm mất lòng tin của người khác hay sao?

Nghe vua Phổ Minh kể như thế, thái tử Ban Túc tuy là một kẻ hung ác tàn nhẫn nhưng vẫn thấy cảm động trước một người quý trọng lời hứa hơn cả sinh mệnh của mình. Cuối cùng thái tử gật đầu nói:

- Được rồi! Tôi thả ông về giải quyết vấn đề của ông xong xuôi, cho ông được mãn nguyện. Nhưng nội trong vòng 7 ngày, giải quyết vấn đề xong ông phải trở lại đây, ông có chịu không?

Vui Phổ Minh mừng rỡ chảy nước mắt trả lời:

- Cám ơn ông! Bảy ngày là đủ cho tôi lắm, tôi sẽ giải thích rõ mọi chuyện cho vị tỳ kheo rồi chắc chắn sẽ trở lại đây.

Thái tử Ban Túc bèn cấp cho vua Phổ Minh một con ngựa nhanh nhẹn để vua mau chóng trở về vương quốc của mình. Khi về tới hoàng cung, việc thứ nhất, vua Phổ Minh nhường ngôi cho con trai lớn, giao hết mọi trách nhiệm cho thái tử rồi xin lại lời hứa cũ với vị tỳ kheo, ấy nấy thưa rằng:

- Lúc trước tôi nhận lời xuất gia với thầy, nhưng nay không làm được. Đó không phải do tôi không giữ lời, cũng không phải tôi đổi ý không muốn xuất gia, mà là vì...

Vua đem chuyện bị thái tử Ban Túc bắt và lời hẹn phải trở lại trong 7 ngày, kể hết cho vị tỳ kheo nghe. Vị tỳ kheo không còn cách nào hơn là bỏ ý định độ cho vua xuất gia.

Cuối cùng, vua tập họp hết tất cả dân chúng trong sân hoàng cung để từ biệt. Không có một người nào là không đau lòng rơi nước mắt, ai nấy đều quỳ xuống van nài giữ vua lại, nhưng vua Phổ Minh vui vẻ nói:

- Lời nói thật là giới đệ nhất, là cái thang bắt lên tới trời, còn kẻ nói dối sẽ bị đọa địa ngục. Người quân tử luôn nói lời chân thật. Ta nay giữ lời hứa, thà xả bỏ thân mệnh mà tâm không hối hận.

Nói xong, vua quát ngựa bắt đầu ngay cuộc hành trình trở về, tới trưa ngày thứ bảy ông bước vào trong cung thành của nước Thiên La, chạy đến chỗ của thái tử Ban Túc để báo tin mình đã có mặt.

Thái tử Ban Túc đang vui say dục lạc, nghe nói có vua Phổ Minh trở lại thì lấy làm ngạc nhiên và không khỏi cảm thấy kính phục. Ông vội vàng chạy ra đến cửa cung điện, nắm tay vua Phổ Minh mà nói:

- Ngài thật là một người tôn trọng lời nói của mình, tôi vô cùng kính phục. Tôi thả ngài trở về nước như ngựa thoát chuồng, tại sao còn tự ý trở lại? Lời nói thật quả là một điều cao cả và đáng kính, tôi sẽ truyền bá tôn chỉ "thật ngữ đệ nhất" này trong khắp cả nước tôi, để mọi người được sống bình an, hòa thuận và hạnh phúc.

Nói xong, ông thỉnh vua Phổ Minh lên đài cao để giảng về giới "không vọng ngữ" cho đại thần và nhân dân trong nước Thiên La nghe.

Vua Phổ Minh tán thán lời nói thật, chê bai vọng ngữ, được cả vạn người ở dưới đài cổ võ hoan hô.

Lúc ấy thái tử Ban Túc mới thấm thía một điều, "ta tuy dùng võ lực đi chinh phục nhiều nước, thế mà dũng khí anh hùng ấy chưa từng được dân chúng hoan hô như vậy. Thế mới biết là lời nói thật khiến người ta cảm động, ái kính, ghi khắc trong lòng không quên, còn võ lực thì tuyệt đối không thu phục được lòng người. Trong vai trò một ông vua, ta không nên áp dụng chính sách võ lực bạo ngược".

Nghĩ thế xong ông bèn thả 99 ông vua đang bị giam cầm trong núi cho về nước hết.

Từ đó, nước Thiên La có ban hành giới không vọng ngữ và thực hành tôn chỉ "thật ngữ đệ nhất", cũng từ đó trong nước ấy được quốc thái dân an, mọi người sống chung đầm ấm yên vui.



45- LƯU LY VƯƠNG

Sinh ra thân phận tỳ nữ, một bước lên ngôi hoàng hậu, thật là một điều không phải dễ. Thế mà điều ấy đã thật sự xảy ra cho Mạt Lợi phu nhân. Bà sinh ra làm tỳ nữ, sau được làm vợ của vua Ba Tư Nặc và trở thành hoàng hậu của nước Kiêu Tát Di La Chuyện gì đã xảy ra khiến cho cuộc đời bà có sự thay đổi to lớn ấy? Đó là do nhân duyên sau đây :

Thời ấy nước Ấn Độ, giống như dưới thời Chiến Quốc ở Trung Hoa, phân thành rất nhiều nước nhỏ, mà giàu mạnh nhất phải nói là nước Kiêu Tát Di La.

Có một hôm, vua của nước Kiêu Tát Di La là vua Ba Tư Nặc xin cầu thân với nước lân bang là nước Ca Tỳ La Vệ, vì ở Ấn Độ lúc ấy, nước Ca Tỳ La Vệ nổi tiếng là nước có nhiều mỹ nhân. Nước Ca Tỳ La Vệ tuy nhỏ bé nhưng không muốn đưa nàng công chúa xinh đẹp tuyệt vời của họ về làm vương phi nước Kiêu Tát Di La, vì thế trưởng giả Ma Ha Nam trong thành mới nghĩ ra một kế, đó là đưa cô tỳ nữ Mạt Lợi trong nhà cho cải trang làm công chúa, gả cho về làm hoàng hậu của vua Ba Tư Nặc.

Cả nước Kiêu Tát Di La đã bị mắc lừa, và đây cũng là nguyên nhân đưa nước Ca Tỳ La Vệ đến chỗ diệt vong sau này.

Phu nhân Mạt Lợi tiến cung rồi, được tất cả mọi người tán thán nhan sắc kiêu diễm cùng đức tính phúc hậu hiền lành, nên không một ai nghi ngờ hay đặt câu hỏi về thân thế của bà.

Được làm hoàng hậu, mặc thì chỉ mặc lụa là gấm vóc, ăn thì chỉ ăn sơn hào hải vị, lại được quốc vương sủng ái, cuộc sống của Mạt Lợi phu nhân thật là sung sướng.

Chẳng bao lâu sau, bà sinh hạ cho vua Ba Tư Nặc một vị thái tử. Vị thái tử này không ai xa lạ, chính là người đã đem khu vườn mình ưa thích nhất dâng cúng cho Đức Phật, tức là thái tử Kỳ Đà. Nhưng về sau thái tử không được lên làm vua vì bị người em là thái tử Lưu Ly giết chết.

Lưu Ly là hoàng tử thứ hai của Mạt Lợi phu nhân, không những giết anh mà còn giết luôn vua cha, đồng thời cũng đã tiêu diệt cả nước Ca Tỳ La Vệ, quê hương của mẫu hậu. Tại sao thái tử Lưu Ly đã tạo ra tội ác tày trời này? Đó cũng là do nhân duyên sau đây :

Lúc thái tử Lưu Ly còn bé, đã cùng công tử Khổ Mẫu, con của một vị đại thần sang nước Ca Tỳ La Vệ học bắn tên. Kỹ thuật bắn tên của dân nước Ca Tỳ La Vệ rất điêu luyện nên có rất nhiều vương tôn công tử từ các nước khác đến xin theo học.

Một hôm trong nước Ca Tỳ La Vệ, trên đường đi đến trường, thái tử Lưu Ly cùng công tử Khổ Mẫu đi ngang một ngôi nhà nguy nga tráng lệ, trong đó có một tòa giảng đường rất trang nghiêm. Thái tử Lưu Ly bèn trèo lên bảo tòa sư tử ngồi chơi. Lúc ấy có một đoàn người bước vào, thấy thái tử Lưu Ly trên tòa bấu, nổi giận mắng rằng:

- Mi là con của một đóa nữ tỳ hạ tiện, làm sao cả gan bước vào tòa giảng đường linh thiêng của ta, và làm ô uế bảo tòa sư tử này? Mi có biết là bọn ta xây ngôi giảng đường này là để tiếp rước bậc đại thánh Đức Phật Thích Ca về quê không? Làm sao một đóa ti tiện như mi lại có thể đặt chân đến một chỗ thanh tịnh như thế này, có mau mau cút đi cho ta không?

Tuy thái tử Lưu Ly còn rất trẻ nhưng tự ái đã bị tổn thương trước những lời sỉ nhục như thế, khuôn mặt đỏ bừng xấu hổ. Chàng lặng lẽ rời ngôi giảng đường đi thẳng một mạch về nước Kiều Tát Di La, cắn răng nghiên lợi nói với Khổ Mẫu rằng:

- Khổ Mẫu! Chuyện ngày hôm nay huynh hãy nhớ giúp tôi! Ngày nào tôi lên ngôi vua, thì việc thứ nhất là báo thù rửa cái nhục hôm nay!

Khổ Mẫu bản tính vốn hiếu chiến, nên nghe thái tử nói thế, khen ngợi rằng:

- Thái tử thật là dũng cảm! Tôi quyết sẽ giúp thái tử báo thù, chỉ cần thái tử giữ vững chí khí ngày hôm nay!

Từ ngày hôm đó trở đi, thái tử ghi khắc trong lòng chuyện mình đã bị nhục mạ, lúc nào câu chuyện ấy cũng như đang diễn ra trước mắt, cho đến trong giấc ngủ, trong giấc mơ cũng không quên được. Vì thế mà chàng canh cánh lo nghĩ đến chuyện lên ngôi kế vị.

Chàng thường thất vọng trước sức khoẻ tráng kiện của vua cha, và còn phiền não hơn nữa là sau vua cha còn có người anh là thái tử Kỳ Đà.

Ý muốn sớm rửa hận đã che mờ lương tâm lý trí của thái tử Lưu Ly, chàng hãm hại anh rồi giết chết vua cha, lập tức lên ngôi và phong Khổ Mẫu làm đại thần. Khổ Mẫu vô cùng kiêu ngạo, tâu rằng:

- Đại vương! Ngài có nhớ đã bị giòng họ Thích Ca sỉ nhục không? Chúng ta phải báo thù!

Vua Lưu Ly ngày đêm nhớ nghĩ chuyện cũ trong đầu, làm sao mà quên cho được. Ông nói một cách sôi nổi:

- Từ ngày hôm ấy trở đi, mối thù này đã khắc ghi sâu đậm trong lòng ta, vĩnh viễn không thể nào quên, chỉ hận là không được lên ngôi sớm! Khổ Mẫu, bây giờ đã đến thời rửa hận, ta không thể nhẫn nại được nữa. Khanh hãy mau triệu tập ba quân, chuẩn bị mọi sự!

Lệnh vua đưa ra ai dám không tuân, Khổ Mẫu bèn chọn lựa một cách nghiêm khắc những vị tướng sĩ tinh nhuệ nhất, và vua Lưu Ly thân hành kiểm duyệt. Xong đâu đó, họ kéo quân đến nước Ca Tỳ La Vệ.

Nước Ca Tỳ La Vệ giáp giới với nước Kiều Tát Di La, từ xưa đến nay hai nước vốn giữ tình lân bang tốt đẹp, quen sống hoà bình, dân chúng hai bên thường qua lại buôn bán với nhau, nên vua Lưu Ly bất thần khởi binh vẩn tội, khi quân lính giữ thành biết là tình thế không ổn thì đã quá trễ, đoàn quân của vua Lưu Ly đã rầm rộ tiến vào thành như nước triều dâng, bao vây cung điện của vua như một vòng vây sắt. Chỉ trong vòng nửa ngày, trọn thành Ca Tỳ La Vệ bị họ tàn sát, và bất cứ người nào của dòng họ Thích Ca, dầu nam hay nữ cũng bị giết sạch. Tử thi ngổn ngang đầy đường, thật là một cảnh thảm thương không thể chịu thấu. Hôm ấy dòng họ Thích Ca đã bị vua Lưu Ly diệt tận.

Lúc ấy, Đức Phật đang thuyết pháp ở tinh xá Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên trong thành Xá Vệ, Ngài biết chuyện, chỉ thở dài mà nói:

- *Kẻ tội nhân vô đạo đại nghịch ấy chỉ trong bảy ngày là sẽ bị chết cháy trong lửa dữ, và chết rồi sẽ đọa xuống địa ngục vô gián chịu khổ!*

Đức Phật là bậc đại thánh, nói ra lời nào là lời ắt phải chân thật, không thể nào không tin. Vì thế, khi các vị đại thần đương triều đem tin này trình lên vua Lưu Ly, thì ông vua này mặt mày xanh xám, tóc tai dựng đứng! Làm tội ác tà trời thì làm, nhưng làm người trên thế gian, ai là người không sợ chết, ai là người muốn chịu khổ? Đẳng này đã chết mà còn phải chịu khổ, sức người nào kham nổi! Do đó vua Lưu Ly rất phiền não và sợ hãi. Khổ Mẫu đứng bên cạnh thấy thế tâu rằng:

- *Đại vương! Xin ngài đừng sợ, đó chỉ là những lời dối trá bịp bợm. Đại vương thử suy nghĩ cũng biết, khi một người bà la môn tới đây cầu xin chuyện gì mà không được, họ bèn nguyện rửa ngài, cầu chúc cho ngài đủ chuyện xui xẻo. Hôm nay ngài đã giết sạch dòng họ Thích Ca của Phật, thì làm sao ông ấy không thốt lời oán than? Phật và bà la môn có điểm khác nhau là ông Phật hiện đang buồn rầu. Kệ, cho ông ấy cứ việc nguyện rửa. Đại vương, xin ngài hãy an tâm.*

Tuy Khổ Mẫu nói những lời bùi tai như thế nhưng vua Lưu Ly không thể nào an tâm nổi, Khổ Mẫu mới bèn nghĩ ra một giải pháp:

- *Đại vương, nếu thật sự ngài không an tâm được, thì thần có một giải pháp này bảo đảm chắc chắn thoát nạn. Chúng ta có thể lên một con tàu bơi ra ngoài khơi, chờ bảy ngày sau tai nạn qua rồi thì lại bơi về. Đó không phải là một giải pháp hoàn hảo hay sao?*

Vua Lưu Ly quá phiền não nên đâm ra mê muội, chỉ còn biết nghe theo lời bày vẽ của Khổ Mẫu và ra lệnh chuẩn bị tàu bè. Ngay chiều ngày hôm ấy, vua Lưu Ly, Khổ Mẫu và một đoàn rất nhiều cung nữ mang theo những thứ cần dùng lên tàu, vôi vàng nhỏ neo ra khơi. Những người này bình thường có bao giờ đi biển, nên đời sống trên biển đối với họ rất khổ sở. Vua Lưu Ly tuy được bao nhiêu mỹ nữ bao quanh, được ăn những món ăn tuyệt diệu, nhưng tâm vẫn bất an và sống thì không thoải mái, nên cảm thấy khó chịu vô cùng, một ngày dài dằng dặt bằng ba năm! Nhưng cứ qua đi một đêm là Khổ Mẫu lớn tiếng cổ võ:

- *Qua được mấy ngày rồi, chỉ còn mấy ngày nữa thôi là chúng ta có thể trở về thành!*

Tuy Khổ Mẫu hô hào như thế nhưng tai nạn vẫn không thể tránh khỏi.

Buổi sáng sớm ngày thứ bảy, Khổ Mẫu lại oang oang nói:

- *Chỉ một đêm nữa thôi, ngày mai chúng ta sẽ về thành!*

Bầy cung nữ chịu hết nỗi đời sống tù túng vô nghĩa trên tàu, cô nào cũng phiền trách Khổ Mẫu, nhưng nay nghe nói ngày mai sẽ về thành, ai nấy đều vui mừng tột độ.

Đêm về khuya, đèn đuốc trên tàu được đốt sáng choang huy hoàng, mọi người ca xang múa hát vô cùng huyên náo, họ trầm mình trong cuộc vui, quên hẳn mình đang ở trên biển để lánh nạn.

Có lẽ phúc báo của vua Lưu Ly đã đến thời kiệt tận, hay trời không dung dưỡng tội ác của ông nữa, nên đương lúc mọi người đang ăn chơi thích thú thì mặt trăng đang chiếu sáng trong hư không bỗng bị mây đen giăng phủ che kín và một trận cuồng phong nổi dậy. Con tàu của vua Lưu Ly to lớn như thế mà cũng theo sóng biển lắc lư dao động không ngừng. Những tấm phướng, tấm màn treo trên cao bị gió thổi bay phần phật, chạm phải các ngọn đèn, lập tức bén lửa. Ngọn lửa bắt qua các tấm vách bằng gỗ và trong khoảnh khắc, giống như những con rắn lửa bay lượn loạn xạ. Mọi người kinh hoàng, tuy trước mặt không có đường thoát nhưng ai nấy cũng luống cuống chạy loạn xạ. Cuối cùng vua Lưu Ly, Khổ Mẫu và đoàn cung nữ không một người nào trốn thoát, tất cả đều cùng con tàu to lớn chịu chung một số phận, là bị hỏa táng dưới đáy biển sâu.

Quả báo nhân tiền mà vua Lưu Ly phải chịu là một tấm gương cho dân chúng Ấn Độ đương thời, đồng thời cũng cho chúng ta thấy rõ ràng rằng nhân quả báo ứng không sai một đường tơ kẽ tóc.



46- MỘT TẢNG ĐÁ

Mùa Xuân là thời gian thích hợp nhất cho việc trồng trọt, thế nên có ông nông phu nọ nghĩ đến chuyện khai khẩn, gieo trồng canh tác trong một mảnh đất xưa nay vẫn bị bỏ hoang. Hôm đó, ông nông phu đang đẩy cán cày để trở đất, thì mũi cày bỗng chạm phải một vật gì rất cứng chắc. Ông khều đất ra xem, thì ra đó là một tảng đá trắng tinh rất lớn.

- Ta phải tìm một vài ba người đến đây giúp một tay, vứt tảng đá này đi chỗ khác, nếu không thì không thể gieo trồng gì được.

Ông nông phu nghĩ. Bỗng có một ông già tiên lại gần hỏi:

- Tại sao ông lại muốn đem tảng đá này đi chỗ khác?

- Như vậy mới có lợi, nếu dời nó đi chỗ khác thì có nhiều đất để trồng trọt hơn, cho nên...

Ông nông phu đáp:

- A vậy hả? Nếu ông khai khẩn, canh tác gieo trồng mảnh đất hoang này xong thì một năm ông thu hoạch được bao nhiêu? Nếu tôi tặng ông 500 lượng bạc, ông có thể chịu ý tôi mà không dời tảng đá này đi chỗ khác, được không?

- Tại sao? Ông nông phu ngạc nhiên hỏi. Tại sao ông lại quan tâm đến việc này như thế?

Lão già bỗng lắc mình một cái, biến thành một người cao lớn, đẹp đẽ, y phục lộng lẫy, nói với người nông phu rằng:

- Ta là người cõi trời xuống đây, ngày xưa ta sống ở gần làng này, lúc ấy ở gần nhà ta có một ông lão phát tâm xây một ngôi chùa, vật liệu chi cũng có đủ, chỉ thiếu có một tảng đá để làm cột trụ cho móng nhà. Vừa khéo, nhà ta có một tảng đá trắng để giặt áo, là gia bảo của tổ tiên ta để lại, đúng y tảng đá mà ông lão đang cần. Tuy ta không phải là

người theo đạo Phật, song ta rõ biết giúp người là một điều tốt, vì vậy ta mới đem tảng đá ấy mà tặng cho ông lão khiến cho ngôi chùa được cất lên rất mau lẹ. Nào có ngờ, điều này đã đem lại cho ta phúc đức vô cùng to lớn. Lâm chung rồi, ta sinh lên cõi trời Đạo Lợi, sống trong cung điện làm bằng bảy báu, và được thiên nữ xinh đẹp hầu hạ phục dịch, quần áo, thức ăn, vật dụng hưởng thụ không bao giờ hết. Xưa nay đang an nhiên tự tại như thế, bỗng sáng nay cung điện của ta bị chấn động mạnh, ta lấy làm lạ, dùng thiên nhãn quán chiếu thì mới biết là tại ông có ý muốn di chuyển tảng đá trắng này mà ra. Ngày xưa ngôi chùa nằm ngay chỗ này, qua mấy ngàn năm biến đổi bề dâu, không ai tu sửa lại nên đã sụp đổ, chỉ còn lại một mảnh đất hoang phủ đầy cỏ dại. Tảng đá trắng này là căn nguyên phúc báo của ta, nếu vất bỏ nó đi thì phúc đức cõi trời của ta cũng sẽ bị tổn thất.

Người nông phu nghe rồi thì chấp hai tay lại mà cảm tạ rằng:

- Thì ra ngày xưa ở đây có một ngôi chùa thờ Phật, hiện nay lại hãy còn là ruộng phước của người cõi trời mà tôi không hay biết, may mà có ngài chỉ giáo, nếu không tôi đã vì ham cái lợi nhỏ mà phạm lỗi lầm lớn. Bây giờ đã được mở mắt ra rồi, tôi sẽ không dám di chuyển tảng đá này đi đâu cả.

Người cõi trời nghe thế thì rất an tâm mà trở về thiên cung. Người nông phu trầm mặc suy nghĩ rằng:

- Ngày xưa, cúng dường một tảng đá để giúp xây một ngôi chùa mà được phúc báo sinh cõi trời. Cái thửa ruộng phước màu mỡ hy hữu này, chỉ cần gieo xuống một hạt giống là trở lên phúc quả vô lượng, gấp cả vạn lần. Ta là nông nhân chuyên việc canh tác trồng trọt, tại sao lại không biết đầu tư nhỉ? Ta phải ghi tâm khắc cốt điều này mới được!

Từ đó, mỗi khi gặp bạn bè thân hữu, ông bèn đem câu chuyện này ra kể lại cho họ nghe, được rất nhiều người tin tưởng nên chẳng bao lâu, một ngôi bảo tháp cao lên tới chín tầng mây được kiến lập sừng sững trên tảng đá ấy.

47- MUỐN THOÁT SINH TỬ

Miền nam Ấn Độ có hai vị tỳ kheo, nghe người ta nói rằng nước Kệ Tân ở phía Bắc có một vị thánh nhân rất oai đức xuất hiện tại thế, hai người thành tâm hâm mộ nên mới kết bạn cùng nhau hướng về phía Bắc mà đi.

Tới biên giới nước Kệ Tân, trên đường đi họ dò hỏi tìm kiếm khắp nơi, và cuối cùng tìm tới được chỗ ở của vị thánh nhân Kỳ Dạ Đa.

Họ tiến vào một khu rừng rậm rạp, thấy một vị tỳ kheo tu khổ hạnh, tướng mạo vô cùng tiêu tụy, đang khom lưng nhóm lửa trước một cái lò, hai người tiến đến hỏi:

- Thưa ngài, ngài có biết tôn giả Kỳ Dạ Đa không?

- Biết.

Vị tỳ kheo khổ hạnh đáp.

- Kính xin ngài chỉ cho chúng tôi biết tôn giả ở đâu?

- Từ đây trèo lên tiếp, đến cái động thứ ba thì gặp.

Vị tỳ kheo vừa nói vừa đưa bàn tay khẳng khiu chỉ về phía gò núi trước mặt.

Hai người theo lời chỉ bảo ấy mà trèo lên tới trước cái động thứ ba, và trong động cũng thấy có một vị tỳ kheo đang đứng nhóm lửa. Hai người lấy làm quái lạ, một trong hai người mới nói:

- Một vị đại đức siêng năng tu hành như thế, sao chúng ta không sớm gặp để đến bái kiến?

Người kia trong tâm không khỏi nghi ngờ, đặt câu hỏi:

- Tôn giả có đại uy đức như thế sao còn cần phải tự tay nhóm lửa?

Tôn giả Kỳ Dạ Đa nghe tiếng hai người nói chuyện bèn trả lời:

- Tôi xưa kia đã từng trầm luân trong biển khổ, vì vấn đề tu hành mà có thể dùng đầu, mắt, tay chân làm nhiên liệu đốt lên cúng dường đại chúng xuất gia, nhóm lửa đốt than có gì đáng kể?

- Không biết tôn giả có thể kể cho chúng con nghe sự tích đời trước của ngài không?

Hai người náo nức hỏi. Tôn giả Kỳ Dạ Đa với giọng nói bi thiết, kể lại chuyện xưa của mình:

- Tôi nhớ cách đây 500 kiếp về trước, tôi sinh ra làm thân chó, thường bị đói khát hoành hành, chỉ có hai lúc là có thể ăn được chút gì: một là gặp người uống rượu say sưa như hũ nát nôn mửa ra đất, tôi ăn cái chất chua dơ ấy thì no được một bữa. Một lúc khác nữa là nhà nào mà chỉ có hai vợ chồng, khi người chồng ra đồng canh tác, và gặp lúc người vợ có chuyện cần phải ra khỏi nhà, tôi lợi dụng một cái lỗ nhỏ trong tường, co người lại chui vào ăn cắp thức ăn của họ. Làm như thế tuy không đến nỗi chết đói nhưng mỗi lần muốn ăn no thì phải bị người ta đánh đập, chịu đủ thứ dây vò đau đớn. Có một lần, tôi đến căn nhà nọ ăn cắp thức ăn, thấy thức ăn đựng trong một cái chum, tuy tôi chui đầu vô chum ăn no bụng nhưng miệng chum quá nhỏ, tôi không rút đầu ra được. Trong lúc tôi đang sốt ruột dẫy dụa thì ông chủ về tới, thấy thế nổi giận vác một con dao sắc chém xuống cổ tôi, thế là chỉ vì một bữa ăn mà đầu là khỏi cổ.

Kiếp sau đó, tuy tôi chưa thoát được con đường súc sinh, nhưng đã giác tỉnh. Nhờ gắng sức vươn lên tinh tiến tu trì, tích lũy công đức trong nhiều kiếp, cuối cùng sinh được thân người. Nghĩ đến sự trở lại biển sinh tử, thật là quá khổ!

Hai vị tỳ kheo nghe xong câu nói của tôn giả Kỳ Dạ Đa, bèn lập tức nhàm chán sinh tử, đắc quả Tu Đà Hoàn.

48- NAI BIẾT TRỌNG CHỮ TÍN

Trong một khu rừng thẳm trên núi cao có một bầy nai cùng nhau chung sống, con số lên tới cũng cả trăm. Chúng đi theo những cánh đồng xanh mơn mớn, vừa ăn vừa đùa giỡn, chẳng mấy chốc tiến dần đến chốn thị thành có người ở.

Hôm ấy, nhà vua dẫn đầu một đoàn tùy tùng ra khỏi thành hướng về phía thôn dã săn bắn. Người ngựa khắp nơi, đoàn nai kinh hãi chạy tán loạn. Có một con nai đang mang thai bị bỏ lạc lại phía sau, không cách nào chạy kịp theo các bạn. Vừa đói lại vừa mệt, nó sinh hạ được hai con nai con.

Nai mẹ đem hai con nai con dấu vào một nơi kín đáo rồi vội vàng nghĩ tới chuyện kiếm ăn. Vì trong lòng đang khủng hoảng, nó bất cẩn sa xuống hố. Lo lắng cho hai đứa con, nai mẹ sốt ruột tìm đủ cách thoát ra khỏi hố nhưng không thoát được, nó bèn kêu khóc thảm thiết. Thợ săn nghe tiếng khóc, chạy đến xem thấy một con nai lớn, vui mừng vô cùng tính đem nai ra giết. Nai mẹ quỳ xuống, khấu đầu van xin, dáng điệu như muốn nói :

- Tôi vừa mới sinh được hai con nai con, lâu lắm rồi chưa có gì vào bụng, xin các ông làm phúc thả cho tôi ra một lúc thôi, để tôi về thăm các con và chỉ cho chúng nó chỗ nào có nước có cỏ, cho chúng nó có thể tự kiếm sống một mình, rồi sau đó trở lại chịu chết. Tôi thề không sai lời hẹn ước.

Thợ săn thấy nai mẹ quỳ xuống với dáng điệu van nài như thế, vừa kinh dị vừa quái lạ, bèn nói:

- Làm người trong đời ai cũng tham sống sợ chết, huống chi mi là loài thú vật! Bây giờ mi đã đến tay ta, ta bắt được mi rồi, làm gì có chuyện thả mi ra?

Họ không hề có ý định thả nai mẹ về. Nai mẹ khóc nước mắt ướt cả mặt, liên tục khấu đầu cầu khẩn như muốn nói:

- Mạng sống của tôi hiện thời đang nằm trong tay các ông. Tôi không hề tiếc chút thân tàn này, chỉ thương xót hai đứa con thơ dại. Nếu các ông bằng lòng thả cho tôi về thì

hai đứa con của tôi mới còn sống sót được, bằng không chúng nó chỉ còn có nước chết mà thôi!

Thợ săn thấy nai mẹ van nài với những tình cảm không khác gì loài người, họ không thể nào không cảm động nên cuối cùng thả cho nai mẹ ra đi.

Nai mẹ chạy về chỗ dấu mấy đứa con, vừa buồn vừa vui, chỉ cho chúng nói biết ở đâu có nước uống và ở đâu có cỏ ăn, xong rơi lệ mà nói:

- Lúc nãy mẹ ra ngoài, không cẩn thận nên bị rơi vào tay thợ săn, chút xíu nữa thì không về gặp các con được. Vì mẹ lo nghĩ cho các con nên xin họ thả cho ra trong chốc lát để về thăm các con. Các con thật là bất hạnh đáng thương! Từ nay các con sẽ không có mẹ săn sóc nữa. Mẹ hy vọng các con sẽ sống sung sướng sau này.

Nai mẹ nói tới đây, bỏ các con ở lại mà đi. Hai con nai con thấy mẹ đi rồi trở về, mừng rỡ vô cùng, bây giờ lại nghe mẹ nói sẽ đi nữa, bèn theo bèn gót, vừa đi vừa kêu khóc. Nai mẹ quay đầu lại nói:

- Các con không thể nào theo mẹ được, nếu không mẹ con chúng ta sẽ bị giết hại cả nhà! Mẹ được về thăm các con một lúc như thế, có chết cũng cam lòng! Chúng ta nghiệp chướng sâu dày nên sinh ra làm súc sinh, nay còn gặp thảm trạng bị bắt bị giết. Mẹ chết đi rồi, mong các con lập nguyện vững chắc là không bao giờ tái sinh làm thú vật nữa!

Nhưng nai con nào có nghe lời nai mẹ, nhất định theo mẹ cho đến chỗ có cái hồ. Thợ săn thấy nai mẹ về, theo sau có hai chú nai con, trong lòng lại càng thấy bất nhẫn nên thả cho mấy mẹ con nhà nai về hết.

Họ bèn đem chuyện này lên tâu với nhà vua. Nhà vua cũng thấy loài nai mà biết trọng chữ tín còn hơn loài người, bèn hạ lệnh cấm săn bắn nai, cho nên từ đó bầy nai mới gọi bạn kết lũ mà sống tự do, đi lại chơi đùa tự tại trên những cánh đồng cỏ.

Sinh làm nai mà có chữ tín lại biết thương con như thế, thật không khác gì con người.

Đức Phật nói chúng sinh trong vũ trụ, ai cũng có trí huệ và đức độ của Như Lai, điều đó quả thật không sai!

Chỉ cần có tâm từ bi là ngay trong kiếp này đã được quả báo tốt. Lừa gạt người khác chính là tự lừa gạt lấy mình, giữ chữ tín với người khác tức là tự giúp đỡ lấy mình.

Chuyện con nai mẹ biết trọng chữ tín, thật đáng làm bài học cho loài người biết bao!



49- NGHĨA KHÍ CỦA CON KHỈ MẶT ĐỎ

Ngày xưa, trong một ngọn núi thâm u rậm rạp, có một con quạ đen già tên là Câu Kỳ xây tổ ở trên một khóm cây cao to, sinh hạ được vài chú quạ đen xinh xắn dễ thương. Lão rất mực yêu thương mấy chú quạ con của lão.

Ngày dài tháng rộng, lão quạ đen Câu Kỳ thường đi chơi trong rừng sâu núi thẳm, và kết bạn với một con khỉ mặt đỏ. Tình bạn của họ vô cùng thân thiết.

Gần khóm cây của lão có một con rắn độc cũng thường hay tới chơi. Khi nó thấy được mấy chú quạ con xinh xắn trên ngọn cây, nó không ngừng chăm chú nhìn lên, nhưng vì lão quạ đen và con khỉ mặt đỏ thường ở đây canh chừng nên nó chưa có cơ hội lên làm thịt mấy chú quạ con ấy.

Có một hôm, lão quạ đen phải bay đi nơi khác kiếm thức ăn, con khỉ mặt đỏ cũng lên núi hái hoa quả, con rắn độc bèn chụp lấy cơ hội ngàn vàng này, bò lên tổ quạ ăn tươi nuốt sống mấy chú quạ con rồi bỏ đi.

Lão quạ đen cực khổ lắm mới tìm được thức ăn mang về nhưng khi về tới ổ, lão chỉ thấy lác đác vài chiếc lông tơ bên cạnh mấy ngân máu đỏ, lão biết ngay là con rắn độc đã ăn mất quạ con của lão rồi. Lão đau khổ vô ngần, kêu thương không ngớt, muốn báo thù cho con nhưng lão thừa biết lão không phải là đối thủ của con rắn độc. Vì thế nên nỗi thương đau của lão lại càng tăng thêm.

Khỉ mặt đỏ vừa về tới, thấy lão quạ đen đang khóc than bi thảm, nó ngạc nhiên hỏi nguyên do. Lão quạ đen mới đem chuyện quạ con bị rắn độc giết ăn thịt ra kể cho khỉ mặt đỏ nghe.

Khỉ mặt đỏ nổi cơn tam bành, chửi rủa om sòm:

- Con rắn độc tâm địa tàn ác, táng tận lương tâm, chuyên môn gây nghiệp sát sinh, lười biếng không biết kiếm sống theo chính nghiệp, thấy ai yếu hơn mình thì nhe răng giương vuốt uy hiếp giết hại, thật đáng buồn cho cảnh yếm mạnh hiếp yếu này !

Con khỉ mặt đỏ thương tình an ủi quạ đen, rồi nói một cách cương quyết:

- Con rắn độc này quá khốn nạn, tôi sẽ báo thù giùm anh!

Nói xong, nó nhảy vọt đi. Đi không xa, từ trên cao nhìn xuống, nó thấy con rắn độc đang trườn đi một cách ung dung an nhàn. Nó bèn nghĩ rằng:

- Con rắn độc khốn nạn, mi tàn nhẫn giết hại con của bạn ta mà ăn thịt, hôm nay ta quyết ăn thua đủ với mi, một sống hai chết mới thôi!

Nghĩ như thế xong, nó nhảy ra trước mặt rắn độc chặn đường. Rắn độc nổi giận đùng đùng ngóc thân lên, định quấn lấy khỉ. Nhưng con khỉ mặt đỏ nhanh nẹn như tên bắn, nhảy sang một bên rồi lại nhảy tới phía trước, dùng hết sức lực một tay túm lấy đầu rắn, một tay chụp một hòn đá cứng, rồi đập xuống nghiền nát đầu đối thủ. Rắn bị bẻ đầu chết tươi.

Khỉ mặt đỏ cảm xác con rắn quăng xuống vực sâu rồi vui vẻ thơ thoi quay về. Lão quạ thấy kẻ tử thù đã đền xong nợ máu, cũng thấy có chút phần an ủi.

Nghe được câu chuyện này, Đức Phật nói rằng:

- Con khỉ này chính là một vị Bồ Tát hóa thân, nó vì chính nghĩa mà trừ khử con rắn độc, không cho phép rắn tiếp tục giết hại những sinh mệnh bé nhỏ yếu ớt khác. Nó đã tự hy sinh, chẳng thà tự mình chịu lấy nghiệp sát và bị đọa lạc mà sinh mệnh của chúng sinh được bảo toàn.

Giới luật của tiểu thừa tuyệt đối cấm sát sinh, nhưng theo tinh thần đại thừa, không thể chấp chặt vào pháp một cách cứng nhắc, thà tự mình đọa địa ngục mà làm cho chúng sinh thoát khổ.

Cao cả thay tinh thần Bồ Tát!

50- NGHIỆP GIẾT

Ông vua được coi là đức độ tài giỏi nhất của Ấn Độ, từ xưa đến nay, là vua A Dục. Ông có một người con trai tên là Câu Na La Hoàng tử Câu Na La rất khôi ngô tuấn tú, tướng mạo như tranh vẽ, khuôn mặt như trăng rằm, vì thế có rất nhiều cô gái muốn được thân cận với chàng.

Lúc đó, trong cung điện có một nàng vương phi trẻ tuổi tên là Đê Xá La Hy Đa Cô gặp hoàng tử lần đầu liền đem lòng yêu thương, thường tìm đủ cơ hội để gặp gỡ, gần gũi.

Một hôm, nhân tìm được một cơ hội tốt, vương phi liền đi tìm gặp hoàng tử, đem tâm sự của mình tha thiết bày tỏ với chàng, hy vọng hoàng tử chấp thuận tình cảm của mình. Nhưng hoàng tử Câu Na La xưa nay vốn phụng trì Phật pháp, chàng biết đây là vương phi của phụ hoàng, tuy nàng còn trẻ tuổi nhưng về phương diện thứ bậc thì nàng ở vai mẹ chàng. Chàng là người biết trọng đạo lý, tuyệt đối không bao giờ có thể làm một chuyện vô luân điên đảo như thế nên không hề động lòng. Cho nên khi người vương phi nhan sắc mỹ miều kia đem tình ái ra bày tỏ với chàng, thì không những chàng không chấp thuận mà còn dùng lời lẽ dịu dàng ra khuyên bảo nàng không nên nghĩ đến những chuyện như thế nữa.

Người vương phi quá si tình, không đạt được ý nguyện, vừa buồn vừa xấu hổ nên giận dữ mà sinh tâm oán hận, bất chấp tất cả, mướn người độc ác đến khoét mắt hoàng tử trước khi giết chàng đi.

Khi mọi người nghe tin này, ai nấy đều kinh hoàng. Làm sao một người hiền lành, thân thiết như hoàng tử lại chịu một số phận bất hạnh như thế. Mọi người do đó bèn đi tìm một vị tỳ kheo có thân thông để thỉnh giáo. Tôn giả trả lời:

- Trong những kiếp sâu xa về trước, tại thành Ba La Nại có một người thợ săn săn thú để sinh sống. Có một năm nọ, tiết trời lạnh lẽo, người thợ săn lên núi săn bắn, tới một nơi đó, ông phát giác ra một hang động, có rất nhiều nai trú lạnh trong ấy. Từ đó, mỗi ngày ông đến cửa động săn một con nai đem về nhà, trước hết ông móc mắt nai, sau đem

nai đi giết. Cứ như thế trong suốt hơn một năm trời, bấy nai đáng thương kia, từ từ bị giết không còn một con.

Do nhân duyên sát sinh ấy, đời này sang đời khác ông chịu quả báo bị khoét mắt trước khi bị giết. Hoàng tử Câu Na La hôm nay, chính là ông thợ săn thời ấy.

Tôn giả nói xong, mọi người vẫn còn chổ nghi hoặc, hỏi thêm:

- Bạch tôn giả, đã là một người thợ săn đáng ghét như thế, thì làm sao lại được sinh ra trong một gia đình cao quý làm hoàng tử? Xin thỉnh tôn giả từ bi thuyết giải cho chúng tôi hiểu.

- Ông ta sinh ở hoàng cung là do một nhân duyên khác. Lúc ấy, khi Đại Phật Ca La Ca diệt độ rồi, thì vua của quốc gia ấy mới mời người đến khắc tôn tượng của Như Lai để tỏ lòng tôn kính Tam Bảo, rồi còn xây bảo tháp cúng dường tôn tượng. Nhưng về sau có một hôn quân không tin Tam Bảo, ra lệnh hủy hoại bức tượng Như Lai. Trong nước ấy có một ông thợ nặn tượng, thấy ông vua vô đạo như thế rất buồn khổ, nên phát nguyện đem bức tượng Phật về tu sửa lại trang nghiêm như cũ.

Người thợ điêu khắc cũng chính là tiền kiếp của thái tử Câu Đa La, do công đức tu sửa tượng Phật mà kiếp này được sinh vào nhà của vua, nhưng vì cái nghiệp sát sinh trước chưa hết, nên vẫn còn phải chịu quả báo.

Những lời giảng của tôn giả đã làm tăng trưởng lòng tin nhân quả của mỗi người, có nhân như thế thì sẽ thọ quả báo như thế, mình làm thì mình phải chịu, đó là một chân lý, không ai chịu khổ thế cho ai cả!



51- NGŨ THÔNG TIÊN NHÂN

Lúc Đức Phật còn ở tại nhân địa, có một thời sinh ra làm một vị tiên nhân chứng được năm thần thông, tu hành trong một quả núi hoang.

Ngài công phu tu hành rất tinh tấn, trong tâm không còn chút quái ngại, đối với tất cả mọi vinh hoa phú quý của thế gian ngài không còn chút ham thích, hằng ngày chỉ hái trái ăn qua bữa trong những năm cuối của cuộc đời.

Chỗ ngài tu có một con rắn độc, mỗi ngày nhìn ngũ thông tiên nhân tu hành, nó cảm động nên xin quy y với ngài.

Con rắn độc quy y rồi thì ở lại phục dịch hầu hạ ngài, mỗi ngày miệng ngậm nước sạch phun xuống đất và lấy rễ cỏ quét bụi, làm những thứ lặt vặt trong nhà cho ngài. Nó cứ luẩn quẩn bên cạnh ngũ thông tiên nhân nghe pháp, không chịu rời xa nửa bước.

Ngày lại rồi ngày qua, mùa hạ, mùa thu qua đi, trời bước sang mùa đông lạnh lẽo, ngũ thông tiên nhân nghĩ rằng hoa quả không còn nữa, nay phải xuống núi tìm thức ăn thôi!

Khi rắn độc thấy ngũ thông tiên nhân sắp bỏ đi, buồn bã nước mắt tuôn ràn rụa. Ngũ thông tiên nhân thấy thế, động lòng an ủi:

- Con là con rắn độc, nếu ta đem con đi với ta, người ta thấy con thì sẽ muốn giết hại con. Thôi con hãy ở đây yên tĩnh tu hành, thế nào ta cũng sẽ trở về, con hãy an tâm đừng đi đâu hết, thầy trò mình sẽ còn gặp nhau!

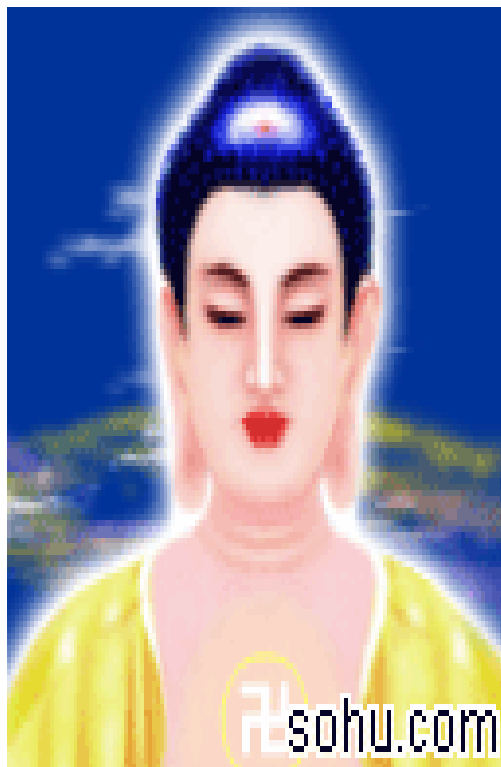
Tiên nhân nói xong lên đường ngay. Con rắn độc khóc hoài không ngừng, nó bò lên một ngọn cây cao chót vót để có thể nhìn thật xa, ngóng trông tiên nhân trở về. Nhưng chờ hoài không thấy ngài về, nó buồn tủi cho thân phận mình, bỗng nhiên từ trên cây rớt xuống, chưa chạm đất đã rơi xuống một cành cây giữa đường và bị cắt đứt làm hai đoạn chết mất.

Rắn độc vừa chết là sinh lên cung trời Đâu Suất, và vừa tái sinh là đã nhớ ngay đến kiếp trước của mình.

Nhớ ơn kiếp làm rắn, người trời này mới đưa một số thiên nữ tay cầm hoa hương xuống chỗ cũ rắc hoa lên thân rắn, và đem hoa hương đến chỗ của ngũ thông tiên nhân cúng dường để báo đáp ân đức của ngài đối với mình.

Có thiện tâm, chịu học pháp, ngay một con rắn độc mà còn có thể sinh lên cõi trời hưởng chi là con người.

Người nào cũng thế, đừng thấy cái thiện nhỏ rồi chê mà không làm, vì một niệm tâm thiện là hạt giống của sự thành Phật trong tương lai. Trừ ác, tu thiện chính là phương pháp để thoát khổ vậy.



52- NGƯỜI DẠY VOI

Mỗi khi Đức Phật Thích Ca đi tới nơi nào thuyết pháp, thì có rất nhiều các vị đệ tử hay đi theo vây quanh Ngài.

Có một hôm, Đức Phật ở núi Linh Thứu, và những tín đồ của Ngài cũng đến tụ tập tại nơi ấy. Trong số đó có các vị tỳ kheo, tỳ kheo ni xuất gia, có các vị ưu bà tắc, ưu bà di tại gia và còn có các vị quốc vương, đại thần v.v... cũng đến xung quanh Đức Phật, cung kính cúng dường, nghe Ngài thuyết Pháp giảng Kinh.

Trong pháp hội thù thắng ấy có rất nhiều vị đệ tử trong lòng có điểm thắc mắc, họ muốn biết nhân duyên nào đã thúc đẩy Đức Phật xuất gia học đạo lúc ban đầu. Tuy họ muốn thỉnh xin Đức Phật nói cho họ biết, nhưng không ai dám mở miệng ra hỏi.

Lúc ấy, tôn giả A Nan biết tâm niệm của mọi người nên từ tòa ngồi đứng dậy, cung kính chắp tay, hỏi thăm Đức Phật xong rồi mới thay mặt mọi người mà thưa rằng:

- Thế Tôn, bậc cứu chủ của chúng con! Nay chúng con có một điểm thắc mắc, đó là lúc Thế Tôn chưa xuất gia, hãy còn là một vị thái tử cao quý, sao lại xả bỏ vương vị, xả bỏ những thứ hoa lệ phú quý của hoàng cung, mà đột nhiên vào núi tu hành rồi sau sáu năm khổ hạnh ngồi dưới cây Bồ Đề thành Đẳng Chính Giác, hiển hiện ứng hóa thân độ hóa chúng sinh, làm thầy của Trời Người. Chúng con không biết lúc ban đầu do những nhân duyên gì mà Thế Tôn đã phát đại Bồ Đề tâm như thế, đi thẳng đến địa vị Phật? Chúng con đây đều là đệ tử của Phật, đều phải phát tâm rộng lớn như Phật đã phát, phải hướng theo con đường của Phật đã đi qua mà cất bước tiến lên hầu thừa kế Như Lai. Xin nguyện Thế Tôn từ bi tuyên thuyết để khuyến khích tất cả chúng sinh.

Đức Phật khen ngợi A Nan rằng:

- Hay thay! Hay thay! Điều mà ông hỏi hôm nay cũng là điều mà ta muốn nói đến. Các ông hãy yên tĩnh ngồi nghe.

Khi Đức Phật nói như thế, tất cả Bồ Tát và thánh chúng đều yên tịnh không một tiếng động, chú ý lắng nghe pháp âm của Phật.

Từ miệng Đức Phật phóng ra một đạo hào quang ngũ sắc, ánh sáng chiếu rọi đại thiên thế giới, vỗ về thân tâm của mọi loài chúng sinh, khiến cho họ có cảm giác mát mẻ, giải thoát.

Đức Phật ngồi ngay ngắn trên tòa báu và nói:

- Tại vô lượng kiếp trong quá khứ về trước, trong ta bà thế giới này có một vị Chuyển Luân Thánh Vương, cũng là một vị vua tên gọi là Đại Quang Minh. Vua là người rất phúc đức và trí tuệ, nhân từ và rộng rãi đối với người khác, thích cứu giúp kẻ bần cùng, danh tiếng lẫy lừng truyền rộng khắp nơi. Vua của nước láng giềng xưa nay vẫn giữ tình giao hảo với vua Đại Quang Minh, hai người đối xử với nhau không khác gì hai anh em ruột thịt. Khi nước này gặp lúc thiếu hụt lương thực hay vật dụng, vua Đại Quang Minh thường cứu giúp cho họ bớt khổ trong những năm đói kém.

Cũng có lúc vua láng giềng đem sản phẩm của nước mình đến hiến tặng vua Đại Quang Minh để báo đáp ơn cứu giúp. Có một hôm, một số người vào núi săn được một con voi trắng, một con voi rất đẹp để đoan chính, thân nó đẹp không khác gì bạch ngọc, trên thế gian thật là hiếm có. Vị vua nhỏ nọ muốn đem voi trắng công hiến vua Đại Quang Minh, nên thu thập một ít châu báu trang sức cho voi rồi sai người đem voi qua nước láng giềng. Vua Quang Minh được voi trắng rất hoan hỉ, bèn mời một người dạy voi rất giỏi tên là Tôn Nhược về cung, giao voi trắng cho vị này nuôi nấng và dạy dỗ.

Voi trắng thông minh, đoán biết ý muốn của thầy, thầy chỉ bảo gì cũng đều làm theo được, chẳng bao lâu sau nó đã hoàn toàn thuần thục. Tôn Nhược bèn trang sức cho nó bằng rất nhiều ngọc quý, và dẫn nó đến trước mặt vua Quang Minh thưa rằng:

- Đại vương! Voi đã thuần thục, xin vua hãy thử voi.

Vua nghe thế rất vui lòng, ra lệnh cho thị giả đánh trống vàng, triệu tập các vị đại thần cũng những người có danh tiếng trong thành đến xem voi biểu diễn. Ít lâu sau mọi người đều tụ tập ở ngoài thành, vua Quang Minh cười lung voi trắng bước từng bước chậm

chạp, trông chẳng khác nào mặt trời vừa mới mọc, ánh sáng chói lọi, ai thấy cũng phải vui mừng tán thán.

Đến một bãi sấn, vua muốn bắt voi biểu diễn. Nhưng con voi trắng ôn hòa kia lúc ấy bỗng trở nên hung bạo trăm phần như đang bước vào chiến trường, điên cuồng vừa chạy vừa nhảy loạn xạ. Vua ngồi trên lưng voi không có cách nào chế ngự nó được.

Nguyên do chỉ vì con voi trắng mà vua đang cười là một con voi đực, nó nghe tiếng kêu của một con voi cái ở núi bên cạnh nên dục niệm nổi lên, khiến nó điên cuồng muốn chạy theo voi cái.

Tôn Nhược ở phía sau thấy thế kêu to lên:

- Đại Vương! Ngài hãy bám vào một nhánh cây để rời khỏi thân voi rồi nhảy xuống đất, có thể mới an toàn được!

Lúc ấy voi đã chạy về phía rừng sâu, nhà vua bèn cấp tốc bám vào một nhánh cây mà rời khỏi lưng voi. Vua thoát thân rồi, voi trắng chạy như bay không quay đầu trở lại.

Vua Quang Minh từ thân cây trèo xuống ngồi bệt dưới đất, lúng ta lúng túng không biết làm sao, áo mũ rơi rớt rách nát, toàn thân thương tích máu chảy đầm dề, tức giận run cả người.

Không lâu sau Tôn Nhược chạy tới, thấy vua bèn khấn đầu trần an rằng:

- Xin đại vương đừng phiền não, voi điên ngu si, có lẽ chỉ vì niệm dâm dục phát lên mà nên cơ sự, không có cách nào chế ngự nó được. Chẳng bao lâu niệm dâm của nó lắng xuống, nó sẽ chán cỏ dại nước dơ của núi rừng mà trở về vương cung.

Nhà vua tức giận trả lời:

- Ta không muốn con voi đó nữa, suýt nữa nó đã làm cho ta mất mạng! Nhà ngươi cũng hãy rút đi, từ nay về sau ta không còn muốn thấy ngươi dạy voi nữa!

Cũng ngay tại lúc đó, các vị đại thần và dân chúng cũng vừa đến tới, họ tưởng rằng vua đã bị voi giết chết rồi vì trên đường đi có người thì nhặt được mũ vua, có người thì

nhặt được vương bào nên ai cũng kinh hãi khùng khiếp. Tìm mãi mới thấy được vua, người thì mau mau đem y áo tới cho vua mặc, người thì dắt một thớt voi khác thuần thực hơn cho vua ngồi lên an toàn rồi trở về hoàng cung. Người trong thành thấy vị vua hiền đức của họ đã bị voi trắng hãm hại nên họ căm tức Tôn Nhượng vô cùng.

Chẳng bao lâu, đúng như Tôn Nhượng đã nói, voi trắng không quen sống nơi núi rừng hoang dã, niệm dâm cũng đã lắng xuống, nó bèn trở về hoàng cung. Tôn Nhượng thấy voi về bèn báo cho vua biết nhưng vua từ chối không tiếp, cho người ra trả lời rằng:

- Vua không cần voi trắng và cũng không cần đến người dạy voi nữa.

Tôn Nhượng ba lần xin gặp, muốn tự mình cưỡi voi trắng và chứng tỏ cho vua thấy voi đã thuần thực đến đâu, cuối cùng vua đành phải chấp thuận. Thế là họ trải chỗ ngồi tại một khoảng đất bằng phẳng, vua và tất cả dân chúng đều đến xem.

Tôn Nhượng đem voi trắng tới chỗ biểu diễn, đồng thời kêu thợ làm cho mình bầy hòn sắt, nếu voi nuốt hết mấy hòn sắt ấy thì chắc chắn chỉ có chết mà thôi.

Sợ vua ân hận về sau, Tôn Nhượng thưa trước với vua rằng:

- Đại Vương, chỉ có bậc Chuyển Luân Thánh vương mới có được một thớt voi trắng như thế, hôm nay nó phạm chút lỗi lầm, nhưng không nên vì thế mà lấy mạng sống của nó.

- Con voi trắng này chẳng hề được điều phục, đáng lẽ ông cũng không nên để cho ta cưỡi nó. Nếu thật sự nó đã thuần thực thì tại sao lại ngoan cố như thế được? Do đó, cho dầu cả ông cả nó có bị giết đi nữa ta cũng chẳng ân hận!

- Thưa Đại vương, thần chết cũng chẳng hề gì, nhưng voi trắng này mà chết thì thật là đáng tiếc!

- Thôi đừng có nhiều lời nữa!

Vua nổi giận hét lên.

Tôn Nhượng quỳ xuống đất, rơi nước mắt mà nói:

- Vua không có huệ nhãn nên không biết chân tài. Tôi điều phục được thân voi nhưng không điều phục được tâm của nó. Nếu lửa dục vọng cháy lên phùng phục trong tâm voi thì đương nhiên tôi không có cách nào chế ngự được. Bây giờ xin đại vương hãy chứng kiến việc tôi điều phục voi.

Nói xong, ông đến trước chân voi, lấy dáng điệu nghiêm khắc khiến voi không thể không vâng lời, đem những hòn sắt bỏ vào lửa cháy đỏ rồi nói:

- Mi hãy nuốt hết những hòn sắt này, nếu không ta sẽ lấy móc sắt móc não mi ra!

Voi trắng hiểu thầy mình muốn đưa mình vào chỗ chết, nghĩ rằng:

- Chẳng thà ta nuốt những hòn sắt này mà chết chứ không để bị móc não.

Voi nghĩ xong bèn quỳ xuống nhìn về hướng nhà vua chảy nước mắt mà cầu cứu, nhưng lửa giận của vua còn đang hùng hực nên ông quay đầu đi chỗ khác không thèm nhìn lại. Voi trắng nhìn những người bốn phía xung quanh không có ai có thể cứu mình được, bèn lấy những hòn sắt được nung đỏ ấy bỏ vào miệng nuốt xuống ruột, thông qua hậu môn và chết ngay tại chỗ. Thật là không khác gì cảnh chày kim cương đập nát núi pha lê, những hòn sắt rơi xuống đất rồi mà hãy còn cháy đỏ, khiến những người ngồi nhìn, không ai là không thương xót đến rơi nước mắt.

Vua Quang Minh thấy thế, trong tâm chợt nảy lên một chút ân hận, cho gọi Tôn Nhược đến hỏi:

- Ông đã điều phục được voi thuần thục đến mức này rồi, vậy sao trong rừng không chế ngự được nó?

Tôn Nhược quỳ xuống đáp rằng:

- Đại vương, lúc nãy thần đã nói, thần chỉ điều phục được thân voi chứ không điều phục được tâm voi.

- Trên thế gian này có ai điều phục được cả thân lẫn tâm chăng?

- Có Như Lai Thế Tôn, đã vừa điều được thân lại vừa điều được tâm, nên trong mười thánh hiệu của chư Phật Như Lai có câu "Điều Ngự Trượng Phu".

Vua Đại Quang Minh nghe được danh hiệu Phật, biết rằng chỉ có Phật Như Lai mới có đầy đủ lực oai thần đó thì hoảng hồn tóc tai dựng đứng, hỏi thêm rằng:

- Vị mà ông gọi là Như Lai đó, có đặc tính gì?

- Phàm là Như Lai Thế Tôn, có hai loại đặc tính: một là trí huệ, hai là đại bi. Đức Phật chăm thực hành lục độ, có nghĩa là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, còn gọi là lục ba la mật, vì cả phúc đức lẫn trí huệ đều đầy đủ nên được tôn xưng là Phật. Ngài vừa có thể điều phục được chính mình mà còn điều phục được chúng sinh.

Vua Đại Quang Minh nghe thế, vui mừng lập tức nhanh nhẩu trở về cung, dùng nước thơm tắm gội, mặc y phục mới, lên lầu cao hướng về bốn phương lễ bái, khởi đại bi tâm đối với tất cả chúng sinh, niễu hương mà thề nguyện rằng:

- Nguyện tôi có bất cứ công đức nào trong quá khứ, hiện tại hay vị lai cũng đều hồi hướng Phật đạo, thành tựu Phật đạo để điều phục tâm mình và cũng để điều phục tất cả chúng sinh.

Nếu có một chúng sinh nào tạo tội trọng mà phải trải qua một kiếp trong A Tỳ địa ngục, tôi sẽ vào ngay trong địa ngục để làm lợi ích cho chúng sinh ấy, và không hề xả bỏ tâm Bồ Đề.

Lúc ông phát thề nguyện lớn như vậy, quả đất rung động sáu cách, trong không trung hoa trời rơi xuống dày đặc như mưa, vô lượng người trời tấu nhạc trên không, âm thanh vi diệu ấy chính là để tán thán công đức của vị Bồ Tát mới phát đại tâm.

Đức Phật nói xong về nhân duyên như trên rồi, lại nói tiếp:

- Con voi trắng đã bị lửa dục đốt cháy thân, nuốt bảy hòn sắt, đã thọ nghiệp báo một cách thâm trọng trong hiện kiếp của mình khiến cho mọi người kinh hãi và lấy đó răn mình, nên đoạn trừ được ác duyên và mở rộng con đường giác ngộ, phúc đức đạt được cũng không thể nghĩ bàn. Con voi trắng thời ấy chính là A La Hán Nan Đà. Vị thầy dạy voi nay

là Đại Trí Xá Lợi Phất, và vua Đại Quang Minh chính là ta vậy. Lúc ấy ta thấy việc điều phục thân voi nên muốn tìm cách điều phục tâm, do đó mới phát đại tâm bồ đề lúc ban sơ, tìm cầu Phật đạo.

Những người trong đại hội nghe Phật thuyết ai cũng đại ngộ, người thì đắc được bốn thánh vị, người thì phát tâm đạo rộng lớn, người thì xuất gia, không ai là không hoan hỉ phụng hành.



53- NGƯỜI XẤU XÍ ĐƯỢC ĐỘ

Tại Xá Vệ Thành có người con của ông trưởng giả nợ, sinh ra hình thù cực kỳ xấu xí : miệng thì rộng toang hoác, mũi thì lõm trũng xuống, mắt thì con to con bé, người thì thấp, toàn thân thì đen như mực, giọng nói thì thô lỗ như tiếng heo kêu, càng lớn càng giống như quỷ, bị đặt tên là Xú nhân (người xấu xí). Xú nhân bị cha mẹ ghét bỏ, và cuối cùng bị đuổi ra khỏi nhà.

Ban đầu Xú nhân đi ăn mày kiếm sống, nhưng khi người ta thấy hình dáng như quỷ của ông thì sợ hãi chạy trốn, không ai dám đến gần bố thí cho thức ăn. Vì thế, bắt đầu ông phải chui núp trong núi sâu rừng rậm, hái trái rừng, hứng nước suối qua ngày. Thật đáng thương cho Xú nhân, sống trong rừng sâu núi thẳm lẽ ra có thể ổn định và sung sướng, nhưng ngay cả thú vật trên trời hay dưới đất thấy ông xấu xí quá cũng đâm sợ mà tránh xa Ông như một người rừng man dã, chỉ còn sống một cuộc sống tối tăm không chút ánh sáng.

Đức Phật với đầy đủ thiên nhãn thông biết được tình cảnh ấy, bèn đưa chư tỳ kheo vào tận trong rừng núi, sửa soạn độ hóa Xú nhân. Nhưng khi ông thấy Đức Phật giáng lâm thì vội vàng chạy trốn thật xa. Đức Phật bèn dùng thần thông làm cho ông không thể chạy nên ông không trốn đi đâu được, đứng sừng sốt giữa rừng cây, không hiểu chuyện gì đã xảy ra cho mình.

Lúc ấy, các vị tỳ kheo đều ngồi kết già phu thiền định dưới các gốc cây, gió thổi vi vu, lá nhẹ rơi lác đác xung quanh các ngài, thật là một quang cảnh thơ mộng.

Đức Phật lập tức hóa thân thành một người xấu xí, thân thể dơ bẩn, người không ra người quỷ không ra quỷ, xấu xí không thua Xú nhân, tay cầm bình bát đựng đầy thức ăn, từ từ hướng về phía ông. Đang bối rối, bỗng thấy một người xấu xí lại gần, Xú nhân ban đầu rất kinh ngạc nhưng sau trong lòng hoan hỉ, bất giác thốt lên:

- Người này mới đúng là bạn ta!

Nói xong, ông tiến lại gần người xấu xí kia mà nói:

- *Chúng ta cả hai đều xấu xí khó coi, đều cô đơn như nhau, chi bằng kết làm bạn tốt với nhau, bạn có đồng ý không?*

- *Đồng ý, nhưng bạn và tôi phải hợp tác với nhau và coi nhau như anh em. Trước hết, tôi xin tặng bạn thức ăn trong bình bát này.*

Xú nhân tìm được bạn tri kỷ mừng rỡ vô hạn, không chút khách khí, cùng chia thức ăn trong bình bát với người bạn mới.

Dùng cơm vừa xong, hóa nhân của Đức Phật bỗng biến thành một người đoan chính tuấn tú, khiến Xú nhân ngạc nhiên hỏi rằng:

- *Bạn làm sao mà đột nhiên trở thành trang nghiêm đoan chính như thế?*

Hóa nhân từ tốn đáp rằng:

- *Điều đó chả có gì lạ lùng cả, khi tôi ăn các thức ăn ban nãy, tôi đã dùng tâm thiện lành, cung kính mà quán nhìn các vị tỷ kheo đang ngồi thiền kia. Nhờ phúc báo của tâm cung kính ấy mà tôi trở nên đoan chính.*

- *Đó chính là phương pháp hay sao? Làm người xấu xí khổ quá, tôi khao khát được trở nên đoan chính như bạn.*

- *Thì bạn cứ thử làm như tôi xem!*

Như bắt được hạnh phúc vi diệu, Xú nhân liền phát khởi tâm sám hối và tâm hoan hỉ, không chút nghi ngờ, dùng mắt thiện lành mà quán nhìn các vị tỷ kheo đang tọa thiền dưới các gốc cây.

Đức Phật bèn hồi phục lại nguyên hình với 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, ánh sáng của Ngài chiếu rọi khắp mọi nơi như trăm ngàn ánh mặt trời, khiến Xú nhân tự động quỳ xuống đánh lễ bái lạy trước mặt Ngài mà thưa rằng:

- Có lẽ trong quá khứ con đã hủy báng cười chê các bậc tỳ kheo tu hành nên mới gặt hái quả báo xấu xí ngày hôm nay. Con muốn xuất gia học đạo để sám hối lỗi lầm trước.

- Tốt lắm! Đức Phật hoan hỉ nói. Ta chấp thuận cho ông trở thành tỳ kheo, làm đệ tử của ta.

Đức Phật nói xong, râu tóc của Xú nhân tự nhiên rụng hết, áo pháp tự nhiên khoác lên người, hiện thân tỳ kheo, và còn được Đức Phật thuyết đủ loại pháp cho nghe. Ông tu hành tinh tấn, chẳng bao lâu đắc quả thánh A La Hán, không còn bị phiền não bởi hình thù xấu xí nữa.



54- NHÂN THIÊN QUẢ THIÊN

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở tinh xá Kỳ Viên trong thành Xá Vệ thuyết pháp độ sinh, thì trong ngôi thành lớn ấy có ông trưởng giả nọ sinh được một cậu con trai rất kỳ diệu. Lúc cậu ra đời thì nước cam lồ từ trên trời tuông xuống, và thiên nhạc tuyệt diệu trỗi lên khúc hoan ca Cha mẹ cậu mừng rỡ quá, mời thầy chiêm tinh về bốc cho đứa bé hy hữu ấy một quẻ. Thầy chiêm tinh bốc xong, khen ngợi rằng :

- Đứa bé này ra đời có cam lồ, thiên nhạc chào mừng, đó là vì sau này cậu sẽ là phúc tinh của nhân loại, nếu được xuất gia học đạo, chắc chắn sẽ thành một vị thánh!

Nghe những lời ấy cha mẹ cậu rất đẹp lòng, đặt tên cho cậu là Da Xí Mật Đa, tối ngày cung chầu, cung phụng đủ thứ. Nhưng kỳ lạ thay, đứa bé này không cần bú sữa. Khi đói, giữa những kẽ ngón tay của cậu có một giòng sữa trắng tự nhiên chảy ra, nuôi cho cậu dần dần lớn mập. Lúc còn bé, cậu thông minh dị thường, cung cách siêu phàm.

Có một hôm cậu đến Kỳ Viên tinh xá, thấy Đức Phật với 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, thân phóng hào quang sáng rực, Da Xí Mật Đa hoan hỉ vô cùng, chạy đến đánh lễ Đức Phật và xin Ngài thu nhận mình làm đệ tử. Đức Phật từ bi nhận lời, cho phép Da Xí Mật Đa được xuống tóc xuất gia. Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng cậu tu hành tinh chuyên, chẳng bao lâu chứng quả A La Hán, có đại thần thông, được người, trời kính phục.

Những vị đệ tử khác của Đức Phật lớn tuổi hơn cậu hay xuất gia trước cậu đều không bì kịp, nên mọi người mới lấy làm lạ, thỉnh giáo Đức Phật.

Đức Phật không chút nề hà, thuyết cho mọi người nghe nguyên do như sau:

Lúc Ca Diếp Như Lai còn tại thế, có một vị thân sĩ ở nước Ba La Nại, tuổi đã lớn mới xuất gia học đạo, nhưng lại giải đãi lười biếng, không chịu tinh tiến, thân lại thường hay mang bệnh. Các thầy thuốc thấy ông gầy yếu, bèn khuyên ông nên uống nhiều dầu tô (dầu tô là một loại chất bổ giúp cho thân thể cường tráng). Lão tỳ kheo này nghe lời thầy thuốc, ráng sức uống dầu tô cho nhiều, tới nửa đêm thì chất thuốc phát tác, ông vừa nóng vừa

khát, muốn uống chút nước thì trong bát không có lấy nửa giọt cho ông uống. Chạy ra giếng, giếng đã cạn khô Chạy ra bờ sông, thì gặp lúc hạn hán đã lâu, nên chỉ thấy đáy sông. Ông đi tìm khắp nơi mà không tìm đâu ra nước, khát chịu gần hết nổi. Lúc ấy ông như tỉnh ngộ, biết rằng đây là quả báo từ quá khứ chiêu cảm, nên ông nhẫn chịu khát cho qua đêm ấy. Ngày hôm sau ông tìm tới Ca Diếp Như Lai cầu cứu. Như Lai thấy ông đáng thương, bèn nói với ông rằng:

- Cái khổ của ông hôm nay không khác gì cái khổ của loài ngạ quỷ, nếu biết sám hối thì còn cứu vãn được. Bây giờ ông hãy nước trong bình của ta mà cung kính dâng lên cho chư tăng.

Lão tỳ kheo nghe lời giáo huấn của Như Lai, tính lấy bình nước nhưng nghiệp tội đã quá sâu dày, nên tay mới chạm bình, thì nước trong bình đang đầy ắp bỗng không cánh mà bay Lão tỳ kheo rất buồn phiền, thấy mình như sắp đọa xuống cõi ngạ quỷ tới nơi rồi! Ông lại đi tìm Như Lai, cầu xin Ngài thương xót chỉ giáo cho Như Lai dạy:

- Bây giờ ông ở giữa tăng chúng, giữ tâm ý cho thật thành kính, lấy nước thanh tịnh nhất, trong sạch nhất mà cúng dường chư tăng, thì mới thoát được nỗi thống khổ của loài ngạ quỷ này.

Lão tỳ kheo vâng lời và tin tưởng Như Lai, sinh tâm đại hoan hỷ, lại còn nương vào lực của Phật nên ở đâu cũng tìm được nước sạch, nước trong. Từ đó, ngày ngày ông mang nước sạch đến cung cấp cho tăng đoàn, mãi cho đến lúc tuổi thật cao mới tạ thế. Nhờ công đức cúng dường nước cho chư tăng như thế nên sinh ra đời này mới tự nhiên có sữa thanh tịnh mà uống, cho đến mới gặp Phật, đặc độ rất mau chóng. Đây chư tỳ kheo, lão tỳ kheo bệnh hoạn kia, nay chính là Da Xi Mật Đa vậy.

Mọi người muốn tìm cầu hạnh phúc, nên thường cúng dường Phật và tăng, trồng nhân thiện thì tự nhiên sẽ hái được quả thiện.

55- NHƯ THỊ NGÃ VĂN

Năm ứng thân của Đức Phật được 80 tuổi, Ngài đưa A Nan đi hành hóa tới tháp Già Bà La, ở đây có rất nhiều vị tỳ kheo vân tập. Đức Phật nói với đại chúng rằng:

- Nay chư tỳ kheo! Hôm nay ta gặp các ông tại nơi đây là điều rất tốt. Từ khi ta thành đạo và chứng được chính giác, đã thương tưởng bảo hộ các tỳ kheo và đệ tử, giáo hóa đại chúng, ban phúc cho mọi người, đem sự an vui bố thí cho kẻ khác, dùng từ bi mà đối đãi với tất cả chúng sinh. Ta thuyết pháp độ sinh, chưa hề nề hà gian lao hay nghĩ đến sự nghỉ ngơi.

Điều ta muốn nói thì đã nói xong với các ông rồi. Ta không hề nghĩ các ông thuộc về ta, chúng sinh thuộc về ta, cho ta toàn quyền sai khiến. Ta chỉ là một người giữa các ông, thường thường cùng các ông ở chung một chỗ. Điều ta muốn thuyết giảng đã thuyết giảng xong, Như Lai không hề giữ lại điều bí mật nào, không áp bức ai và cũng không muốn ai phải phục tùng.

Ứng thân của ta nay đã già, như một cái xe cũ thì phải hư, cứ sửa sang, bảo trì mãi cũng không phải là một biện pháp lâu dài được. Trong ba tháng nữa, ta sẽ y theo pháp tính mà nhập Niết Bàn ở giữa hai góc cây Ta La thành Câu Thi Na Ca La, được sự an ổn vô thượng. Nhưng ta sẽ luôn luôn gia hộ cho các ông và cho những chúng sinh vị lai tin tưởng vào giáo pháp của ta.

Tin Đức Phật nhập Niết Bàn vừa mới ban ra, nên đệ tử của Ngài ai cũng kinh hoàng. Trong tâm của họ, trong khoảnh khắc mặt trời và mặt trăng đều tắt phụt, trời đất xoay tròn. Đức Phật lại nói tiếp:

- Các ông không nên đau buồn, vạn vật trong trời đất, hễ có sinh thì tất nhiên phải có tướng vô thường. Định luật này, bất kỳ là ai chẳng nữa cũng không trốn thoát được. Ta đã chẳng nói điều này cho các ông nghe rồi sao? Những gì mình yêu thương đều phải có lúc mất mát, có tụ họp thì phải có xa lìa, thân thể của người đời do tâm và vật chất tụ lại mà

thành thì tất nhiên là vô thường, thì không thể tự do như người ta thường tưởng. Thân xác thật không thể vĩnh viễn tồn tại, ta đã không thường xuyên nhắc nhở điều này hay sao?

Muốn ứng thân của Phật ở mãi trên thế gian là đi ngược lại với quy tắc tự nhiên của pháp tính. Ta là người đã thị hiện chân lý của vũ trụ, thì đương nhiên là không thể đi ngược lại với pháp tính.

Nếu các ông muốn ta ở lại mãi trên thế gian là các ông đã không y theo giáo pháp của ta đã giảng dạy mà tu hành, vậy thì cho dầu ta có sống thêm ngàn vạn năm nữa phỏng có ích lợi gì?

Nếu các ông có thể y theo giáo pháp của ta mà tu hành thì chẳng khác nào ta sống vĩnh viễn trong tâm các ông. Pháp thân huệ mệnh của ta biến khắp tất cả mọi nơi, luôn ở cùng một chỗ với các ông và với chúng sinh đời vị lai.

Các ông hãy giữ lòng tin kiên cố, quy y nơi pháp, y pháp mà tu hành, không nên quy y nơi gì khác.

Các ông tu học thánh đạo không biếng trễ, giải thoát phiền não, trụ tâm không loạn, thì các ông đúng là đệ tử chân chính của ta.

Đức Phật nói xong lại đi qua Xà Đầu viên ở thành Ba Bà, ở đây nhận sự cúng dường của ông thợ vàng tên là Thuần Đà. Ông này cúng dường Chiên Đàn nhưng, là một loại nắm rất khó tiêu hóa. Đức Phật dùng xong trong người không khoẻ, nhưng Ngài vẫn từ bi giải đáp cho Thuần Đà biết thế nào là sự khác biệt giữa bốn loại sa môn, khiến ông này vô cùng cảm động.

Đức Phật nói bốn loại sa môn : một là sa môn hành đạo thù thắng, hai là sa môn khéo thuyết nghĩa của đạo, ba là sa môn dựa vào đạo mà sinh sống và bốn là sa môn làm ô uế đạo. Cùng là sa môn mà có chân có ngụy, có thiện có ác, không nên thấy một vị sa môn không hiền không thiện rồi hủy báng toàn thể các vị sa môn.

Giống như trong một thửa ruộng lúa mạ tốt, bên trong có thể xen tạp vài ngọn cỏ dại. Là người cư sĩ tại gia tin Phật, nên thường gần gũi thiện tri thức, nhưng không nên phê

bình sa môn. Người cư sĩ tại gia, tốt hơn hết là không nên để ý tới chuyện tốt xấu thiện ác của sa môn.

Sau đó, Đức Phật thị hiện tướng bệnh ở thôn Trúc Phương, nhưng Ngài vẫn không chịu nghỉ ngơi, vẫn tiếp tục lên đường hành hóa. Một hôm, từ nhan của Ngài bỗng chiếu ra ánh sáng huy hoàng, viên mãn hơn, thanh tịnh hơn, trang nghiêm hơn bình thường, ánh sáng ấy chói lọi như mặt trăng mặt trời, sâu rộng vô biên như biển lớn. A Nan hỏi Đức Phật:

- Thế Tôn, từ trước tới nay con đi theo làm thị giả của Phật, đây là lần thứ nhất con thấy từ nhan của Thế Tôn sáng chói hơn những ngày trước, ánh sáng vô lượng ấy như muốn chiếu thấu cùng khắp cả tam thiên đại thiên thế giới.

Đức Phật đáp:

- Đúng thế! Quang sắc của Phật có hai lần đặc biệt không giống bình thường, lần thứ nhất là lúc mới thành Phật đạo chứng đắc vô thượng chính giác, lần thứ hai là lúc sắp nhập Niết Bàn.

A Nan nghe nói vừa mừng vừa cảm thấy buồn thương. Đức Phật gieo rắc chủng tử của chân lý trên đường đi của Ngài, và có rất nhiều người đi theo sau chân Ngài. Họ đi theo sau một Đức Phật vừa già nua vừa bệnh hoạn, nên dường như ai cũng rơi lệ. Sự thật, nếu trên thế giới này có một người thật sự mạnh khỏe và huệ mệnh vĩnh viễn không có già bệnh, thì người ấy chính là bậc cứu thế, là bậc đại thánh, là Đức Phật vậy.

Trên đường đi theo Đức Phật, A Nan lo sợ thưa rằng:

- Thế Tôn nhập Niết Bàn rồi, thì nghi thức an táng chúng con phải làm như thế nào?

Đức Phật an nhiên đáp:

- Những người đã quy y sẽ đến giúp ông, ông đừng lo, hãy an tâm mà lo lấy việc của mình. Tuy nhiên ta cũng có thể chỉ bày cho ông một vài nghi thức để cùng ông tham khảo. Mọi người ai cũng mong muốn biết, và cũng để tránh điều tranh luận giữa đám đông

người, ta nói cho các ông nghe cũng tốt. Thế thì ta bày cho các ông nghi thức mai táng của Chuyển Luân Thánh Vương vậy!

- Nghi thức mai táng của Chuyển Luân Thánh Vương là thế nào?

A Nan xúc cảm vừa khóc vừa hỏi.

Đức Phật nhẹ nhàng trả lời:

- Trước hết lấy nước thơm rửa người, xong dùng vải mới sạch bao người lại. Bên trên dùng 500 tấm thảm bông bao thêm, đặt vào trong một cỗ áo quan bằng vàng, bên trong áo quan có phết dầu hương. Sau đó mới đem cỗ áo quan đặt vào một chiếc quan tài bằng sắt, xung quanh quan tài rải hương chiên đàn trên một vòng tròn rộng, bên trên thì chất hương thơm, bốn phía đặt hoa tươi...

Đức Phật nói đến đây, trầm ngâm một lúc rồi lại nói:

- Phật có thể tự dùng lửa tam muội mà trà tỳ, các ông thu thập xá lợi và lập tháp ở ngã tư đường để người qua lại biết mà nhớ nghĩ và tin tưởng.

Đức Phật không hề muốn ai xây tháp cho chính mình, mà vì chúng sinh nên mới để lại di ngôn như trên.

Không lâu sau, Đức Phật tiến vào thành Câu Thi Na Ca La, dặn dò A Nan rằng :

- Ông hãy vì ta mà đến giữa hai góc cây Sa La sắp đặt một chỗ nằm, đầu quay về hướng bắc, mặt nhìn về hướng tây. Những năm sắp tới, giáo pháp của ta có thể hướng về phía bắc mà hoằng truyền, và tương lai sẽ thịnh hành ở phương tây. Đêm nay ta sẽ nhập Niết Bàn.

A Nan và đại chúng nghe thế, ai cũng khóc không sao ngừng được. Sau đó mọi người bàn tính với nhau, nếu chỉ ở đó mà khóc lóc thì chẳng có ích lợi gì, điều cần kíp là phải thỉnh cầu Đức Phật chỉ bày làm cách nào để chính pháp được giữ gìn lâu dài trong thế gian đời vị lai. Bàn tính với nhau xong, họ cử A Nan thỉnh giáo Đức Phật :

- Thế Tôn, chúng con không cách nào mà không buồn thương cho được, nhưng chúng con có bốn vấn đề cuối cùng xin thỉnh Thế Tôn chỉ bày:

Thứ nhất, lúc Thế Tôn còn tại thế, Ngài là thầy cho chúng con nương dựa. Thế Tôn Niết Bàn rồi, chúng con biết nương dựa vào người thầy nào đây?

Thứ hai, lúc Thế Tôn còn tại thế, chúng con an trụ vào Phật. Thế Tôn Niết Bàn rồi, chúng con biết an trụ vào đâu?

Thứ ba, lúc Thế Tôn còn tại thế thì người hung ác đã có Thế Tôn điều phục. Thế Tôn Niết Bàn rồi, làm sao điều phục người hung ác đây?

Thứ tư, lúc Thế Tôn còn tại thế, ngôn giáo của Phật nói ai cũng dễ tin dễ hiểu. Thế Tôn Niết Bàn rồi, kinh điển kết tập làm sao cho người ta tin tưởng?

Đức Phật trả lời một cách từ bi, vui vẻ:

- A Nan, ông được đại chúng đề cử đến hỏi ta bốn vấn đề này, thật là vô cùng quan trọng. Các ông không nên bi lụy như thế, giả như Xá Lợi Phất hay Mục Kiền Liên mà còn sống, chắc chắn họ sẽ không cư xử như các ông đâu! Đại Ca Diếp hiện giờ còn trên đường về, ông ấy sẽ không về kịp trước giờ ta Niết Bàn. Các ông phải nhận biết pháp tính, nếu Phật dùng ứng thân ở tại thế gian, thì đây là tướng vô thường cuối cùng, phải nhập Niết Bàn. Các ông y theo pháp mà hành thì không khác gì Phật thường còn ở thế gian vậy.

Nay ta sẽ trả lời bốn vấn đề của các ông hỏi, các ông hãy nhớ kỹ lấy:

Thứ nhất, các ông hỏi ta Niết Bàn rồi thì ai là thầy cho các ông nương: hãy nương vào Ba La Đề Mộc Xoa.

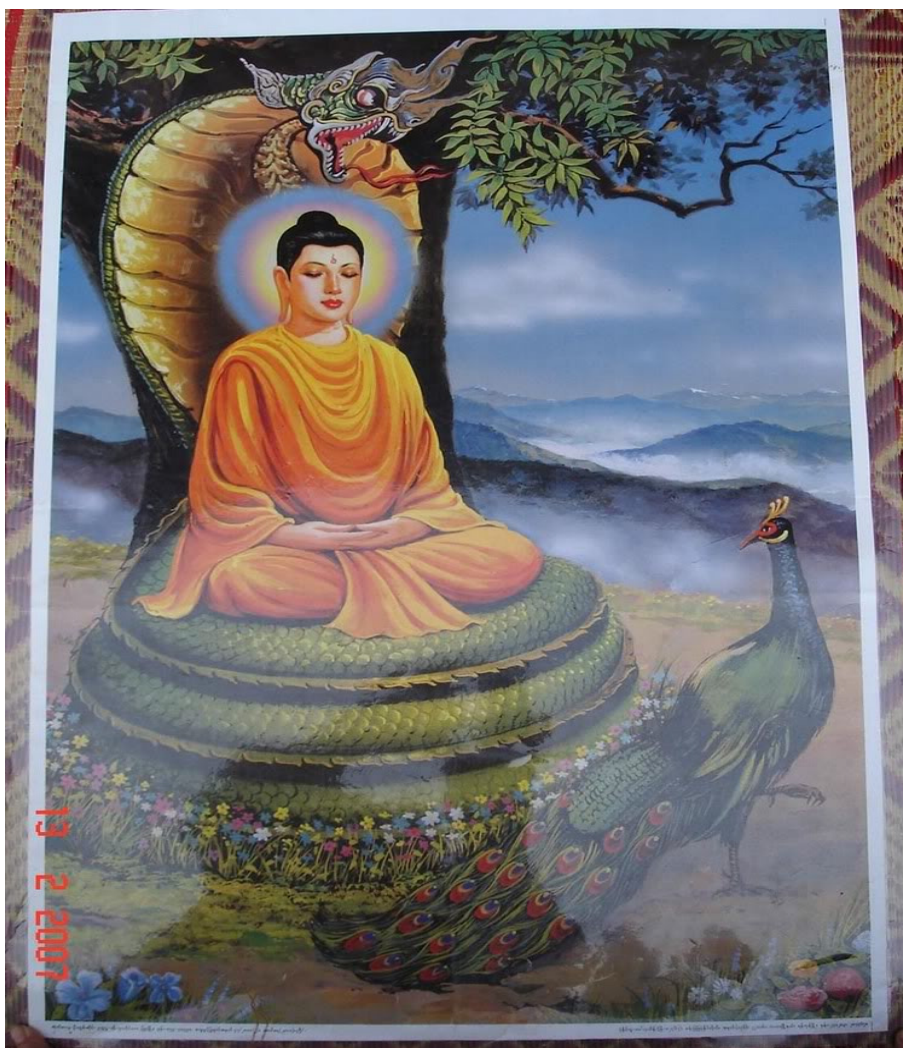
Thứ hai, các ông hỏi ta Niết Bàn rồi thì nên an trụ vào đâu: hãy an trụ vào Tứ Niệm Xứ.

Thứ ba, các ông hỏi ta Niết Bàn rồi thì làm sao điều phục người hung ác: nên im lặng tách xa họ ra.

Thứ tư, các ông hỏi ta Niết Bàn rồi thì làm sao cho người ta tin vào kinh điển: phải đặt bốn chữ "Như Thị Ngã Văn" ở ngay đầu tất cả mọi bộ kinh.

A Nan, các ông nên thường xuyên nhớ nghĩ đến chỗ Phật sinh ra, chỗ Phật giác ngộ, chỗ Phật thuyết pháp và chỗ Phật Niết Bàn. Điều cần thiết là thân phải từ, miệng phải từ và ý phải từ, chuyện khác không cần quan tâm đến. Hôm nay không nên bi lụy, hãy mau vì ta mà đến giữa hai gốc cây Sa La mà sắp đặt chỗ nằm.

Đây là nguyên do tại sao mà ở đầu tất cả mọi kinh điển đều có bốn chữ "Như Thị Ngã Văn".



56- NHỮNG CU' SĨ ĐẦU TIÊN

Có một buổi sáng kia, ánh sáng bình minh đầu tiên vừa mới trải dài trên mặt đất, Đức Phật đã một mình đi tản bộ trên bờ sông. Bỗng nhiên từ xa, có một thanh niên chạy đến với dáng vẻ điên cuồng, miệng không ngớt la thất thanh:

- *Khổ quá! Tôi khổ quá!*

Người thanh niên chạy đến gần chỗ Đức Phật đang đứng, Đức Phật dùng ánh mắt từ bi nhìn anh ta, anh ta cũng ngờ ngợ nhìn lại Đức Phật. Tướng hảo trang nghiêm của Đức Phật nhiếp được cái tâm điên cuồng của anh ta, nên anh ta quỳ xuống trước mặt Ngài :

- *Ngài có phải là vị mà người ta thường gọi là Đức Phật đại từ đại bi không? Xin Ngài từ bi cứu con với! Con tên là Già Xá ở thành Ca Thi, con đang sống trong một tình trạng khổ sở và bất an. Hằng ngày, từ khi mặt trời vừa mới mọc con đã bị những chuyện thanh sắc tài lợi quấy nhiễu không ngừng. Hoàng hôn vừa phủ xuống và ánh đèn vừa thắp lên, thì các cô gái đẹp tập hợp lại múa hát trong những buổi yến tiệc huy hoàng. Ban đầu con cũng đã từng một thời đắm say mê mẩn, nhưng ngày qua ngày, con thật tình không tìm được chút lạc thú nào trong đó nữa. Hôm qua khi tiệc vừa tan, con kéo lét cái thân mệt mỏi kiệt quệ này về nhà ngủ. Trong cơn hôn trầm mộng lung ấy, con bị một cơn ác mộng khủng khiếp đánh thức và không ngủ lại được nữa. Con bèn ngồi dậy bước xuống giường và ra khỏi phòng ngủ, thì thấy cô đào hát tình nhân riêng của con đang giỡn hót với một anh kép hát. Lúc ấy con không dằn được, lửa giận hừng hực bùng cháy trong lồng ngực, thần kinh con đâm ra hỗn loạn, do đó con phát điên lên nửa đêm bỏ nhà đi. Suốt quãng đường con như một người mù, chạy một cách điên cuồng, dường như có một sức mạnh nào đó thúc đẩy con. Trong ánh bình minh con chạy đến ven bờ sông Phược La Ca này và thấy hình như Ngài chính là người được xưng tán là bậc Đại Giác, là Phật. Xin Ngài cứu vớt con, tâm con đang hết sức phiền não.*

Đức Phật từ bi đưa tay vỗ về Già Xá:

- *Thiện nam tử! Ta chính là Phật mà ngươi nói đó. Ngươi không còn gì để phiền não bất an nữa, gặp ta rồi thì sẽ được an ổn tự tại. Bây giờ ngươi hãy tĩnh tâm lại suy nghĩ. Thế gian có buổi tiệc nào kéo dài mãi mà không tàn chẵn? Người ta có thể nào thân mật ở chung với nhau hoài? Ngươi không nên buồn sầu, thế giới này căn bản chỉ là hư ngụy. Trên thế giới này tất cả đều là vô thường, ngay thân thể của ta mà ta còn không thể nương tựa vào được, thì làm sao mà ta muốn có một người khác phải thuộc về ta? Cơ hội được độ của ngươi đã đến, ngươi nên xả bỏ hết mọi thứ đi!*

Già Xá nghe được pháp âm của Đức Phật, lửa oán giận trong lòng như được nước cam lồ tưới nhuận. Gã nhìn lên tướng hảo hiển từ của Đức Phật, cảm động rơi nước mắt, vội quỳ xuống đất thông thiết cầu xin Đức Phật cho phép mình xuất gia.

Đức Phật lại dùng ánh mắt từ bi lân mẫn chiếu tới Già Xá mà nói rằng:

- *Già Xá, bây giờ ngươi nên lập tức trở về nhà, cha mẹ ngươi hiện đang sốt ruột mà lo lắng cho ngươi đó. Không phải cứ hễ bỏ gia đình thì gọi là xuất gia, vì tuy trên thân khoác áo xuất gia nhưng tâm vẫn nhiễm dục tình thế gian. Một người có thể ở trong chốn rừng sâu núi thẳm nhưng vẫn thường nhớ nghĩ đến những chuyện danh lợi, người ấy không thể gọi là xuất gia được. Còn thí dụ một người thân đeo chuỗi anh lạc quý đẹp nhưng tâm thì quang minh thanh tịnh, hàng phục được kẻ thù phiền não, đối với người khác thì không phân biệt kẻ oán người thân, và còn biết lấy chân lý mà giáo hóa họ thì đó gọi là một người xuất gia chân chính. Vậy ngươi muốn làm hạng xuất gia nào?*

- *Thế Tôn, Ngài khai thị ý nghĩa của việc xuất gia con đã hiểu rõ ràng và có thể tiếp nhận được. Con thỉnh cầu Thế Tôn từ bi cho con xuất gia theo lối đoạn lìa phiền não, làm một kẻ đi gieo rắc chân lý, làm đệ tử của Ngài, của Đức Phật cao cả.*

Đức Phật bèn chấp thuận lời thỉnh cầu của Già Xá và chúng đệ tử của Phật ngày một thêm đông đảo.

Phụ thân của Già Xá là trưởng lão Câu Lê Gia, sáng sớm ngày hôm sau thức dậy nghe gia nhân thưa lại nửa đêm Già Xá vô cớ bỏ nhà ra đi, không biết đâu mà tìm. Ông nghe xong kinh hoàng, lập tức ra lệnh cho gia nhân chia nhau đi bốn phương tám hướng mà tìm kiếm, chính ông cũng tự mình lên đường đi dò hỏi khắp nơi, nhờ thế mà ông lần mò ra tới

bờ sông Phước La Cạ Trường lão Câu Lê Ca băng qua sông và đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật bảo Già Xá lánh mặt, rồi tự thân ra tiếp trường lão Câu Lê Cạ Trường lão nói:

- Ông có phải là một vị sa môn không? Tôi chưa từng thấy một vị sa môn nào tướng hảo uy nghi như ông. Ông có thấy thằng con trai của tôi tên là Già Xá không

- Xin mời ông ngồi xuống. Chắc chắn là chúng ta sẽ tìm ra được con trai của ông.

- Thật thế sao? Tôi thấy ông là một người cao quý, chắc chắn là không nói dối!

Trường lão Câu Lê Ca bèn ngồi xuống đối diện với Đức Phật . Đức Phật bèn nói rõ cho ông nghe những chân lý như : con người cần những lợi lạc của công đức bố thí, trì giới như thế nào, rồi lại nói đến những phiền não đau khổ mà loài người thường phải chịu, và phú quý như bọt bèo trên mặt nước, không thể dựa nhờ được. Trường lão Câu Lê Ca nghe đức Phật khai thị như thế, vô cùng cảm động. Đến khi nghe Ngài chính là thái tử Tất Đạt Đa của nước Ca Tỳ La đã xuất gia thành đạo, vừa cảm kích vừa phấn chấn tinh thần, ông bất giác quỳ xuống trước Đức Phật mà đánh lễ. Lúc ấy Đức Phật mới gọi Già Xá ra gặp mặt cha.

Thật ra trường lão vốn nghi rằng Già Xá đã tự sát rồi, nay thấy con mình vẫn còn sống mạnh khoẻ như thường lại còn quy y với Đức Phật nữa, ông mừng rỡ không bút nào tả xiết, và rất tán thành việc Già Xá xuất gia. Chính ông cũng xin quy y, làm một vị đệ tử tại gia của Ngài. Đó là vị đệ tử Ưu Bà Tắc đầu tiên của Đức Phật.

Câu Lê Ca lại khẩn khoản xin cầu Đức Phật đến nhà mình hôm sau để cho mình được cúng dường. Hôm sau, Đức Phật đưa sáu người đệ tử đến thọ cúng xong, mẹ của Già Xá cũng xin quy y dưới tòa Như Lai, làm người tín nữ tại gia, sống một đời sống gia đình thâm nhuần Phật pháp. Đó là vị đệ tử Ưu Bà Di thứ nhất của Đức Phật.

